

Trước khi thầy cô sử dụng bộ GA của nhóm GV Nam Định, mong các thầy cô lưu ý:

- Bộ GA trong từng bài (cả word và ppt) đã ẩn thông tin cá nhân của thầy cô: họ tên, số điện thoại, địa chỉ Facebook (Zalo), địa chỉ email, địa chỉ cơ quan. Nếu thầy cô chia sẻ cho người khác mà họ đẩy lên các nhóm thì thầy cô hoàn toàn chịu trách nhiệm bồi thường cho nhóm từ 30-50t. Chúng tôi sẽ gọi về cơ quan, phòng GD –nơi thầy cô công tác để yêu cầu thầy cô thực hiện cam kết ban đầu.

- Thầy cô không được lấy lý do đã sửa bộ GA và có quyền chia sẻ bộ GA đã chỉnh sửa. Xin thưa, chúng tôi không chấp nhận vì đó là hành động đạo văn. Khi đó thầy cô cũng chấp nhận là chúng tôi sẽ gọi về cơ quan. Và mọi rắc rối sẽ thuộc về thầy cô.

(Mua GA là toàn quyền sử dụng nhưng cam kết không chia sẻ mà vẫn chia sẻ là vi phạm cam kết, gây tổn hại kinh tế cho bên bán là phải bồi thường theo luật định. Thầy cô có thể hỏi luật sư để kiểm chứng)

BUỔI 1

BÀI 7 <i>Ngày soạn</i> <i>Ngày dạy:.....</i>	ÔN TẬP THỂ GIỚI CỔ TÍCH
---	--

-----!□□-----

Tôi yêu chuyện cổ nước tôi

Vừa nhân hậu lại vừa tuyệt vời sâu xa.

(Lâm Thị Mỹ Dạ)

A. MỤC TIÊU CẦN

ĐẠT

1. Năng lực:

Giúp HS:

- Ôn tập củng cố, hệ thống hóa kiến thức về thể loại truyện cổ tích: cốt truyện, nhân vật, yếu tố kì ảo, nhận biết được chủ đề văn bản: *Thạch Sanh, Cây khế, Vua chích chòe*; và một số truyện cùng thể loại .

- Nêu được ấn tượng chung về văn bản; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

- Tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn.

- Biết vận dụng kiến thức về nghĩa của từ và biện pháp tu từ để đọc, viết, nói và nghe.

- Viết được bài văn kể lại một truyện cổ tích một cách sáng tạo: kể nhập vai một nhân vật.
- Kể được một truyện cổ tích một cách sinh động.
- Rèn kĩ năng viết .
- Rèn kĩ năng nói – nghe

2. Phẩm chất:

- Sống vị tha, yêu thương con người và sự sống; trung thực, khiêm tốn, dũng cảm.
- Có ý thức ôn tập nghiêm túc.

B. PHƯƠNG TIỆN VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu:

- Tham khảo SGK, SGK Ngữ văn 6 Kết nối tri thức với cuộc sống
- Tài liệu ôn tập bài học.
- Các phiếu học tập.

2. Thiết bị và phương tiện:

- Sưu tầm tranh ảnh, tư liệu có liên quan đến bài học.
- Sử dụng ngôn ngữ trong sáng, lành mạnh.
- Sử dụng máy chiếu/tivi kết nối wifi

C. PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC

- **Phương pháp:** Thảo luận nhóm, động não, dạy học giải quyết vấn đề, thuyết trình, đàm thoại gợi mở, dạy học hợp tác... .

- **Kỹ thuật:** Sơ đồ tư duy, phòng tranh, chia nhóm, đặt câu hỏi, khăn trải bàn,...

D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC THEO CHỦ ĐỀ

Hoạt động : Khởi động

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Báo cáo sản phẩm dạy học dự án:

Nhóm 1: Tập làm họa sĩ: Vẽ các bức tranh minh họa nội dung của 1 tác phẩm truyện (ghép nhiều tranh lại theo trình tự tạo thành 1 truyện tranh).

Nhóm 2: Tập làm diễn viên (Sân khấu hoá tác phẩm): Đóng 1 trích đoạn trong tác phẩm truyện.

(Nhiệm vụ các nhóm đã được giao trước một tuần sau tiết học buổi sáng)

B2: Thực hiện nhiệm vụ:

Các nhóm lần lượt báo cáo sản phẩm dự án của nhóm.

GV khích lệ, động viên.

B3: Báo cáo sản phẩm học tập:

Các nhóm nhận xét sản phẩm của nhóm bạn sau khi nhóm bạn báo cáo.

B4: Đánh giá, nhận xét

- GV nhận xét, khen và biểu dương các nhóm có sản phẩm tốt.
- GV giới thiệu nội dung ôn tập bài 6:

KĨ NĂNG	NỘI DUNG CỤ THỂ
Đọc – hiểu văn bản	Độc hiểu văn bản: + Văn bản 1: Thạch Sanh + Văn bản 2: Cây khế

	+ Văn bản 3 : Vua chích chòe Thực hành Tiếng Việt: Ôn tập về nghĩa của từ ngữ, thành ngữ trong VB chính khóa, phép tu từ điệp ngữ - VB thực hành đọc: Ôn tập VB Sọ Dừa
Viết	Viết: Ôn tập cách viết bài văn đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích.
Nói và nghe	Nói và nghe: Ôn tập kể lại một truyện cổ tích bằng lời một nhân vật.

Hoạt động 2: Ôn tập kiến thức cơ bản

a. Mục tiêu: Giúp HS ôn tập, nắm chắc các đơn vị kiến thức của bài học: Bài 6: Thế giới cổ tích

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng các phương pháp đàm thoại gợi mở, hoạt động nhóm để ôn tập.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động.

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV hướng dẫn HS ôn lại các đơn vị kiến thức cơ bản bằng phương pháp hỏi đáp, đàm thoại gợi mở; hoạt động nhóm,
- HS lần lượt trả lời nhanh các câu hỏi của GV các đơn vị kiến thức cơ bản của bài học

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tích cực trả lời.
- GV khích lệ, động viên

B3: Báo cáo sản phẩm

- HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV.
- Các HS khác nhận xét, bổ sung.

B4: Đánh giá, nhận xét

GV nhận xét, chốt kiến thức

❖ VĂN BẢN ĐỌC HIỂU

*** Hoàn thành phiếu học tập 01: Chia lớp thành 06 nhóm**

Tên truyện cổ tích	“Thạch Sanh” (nhóm 1, 2)	“Cây khế” (nhóm 3, 4)	“Vua chích chòe” (nhóm 5, 6)
1. Chủ đề			
2. Nhân vật			
3. Cốt truyện			
4. Lời kể			
5. Yếu tố kì ảo			

***GV hướng dẫn HS chốt các đơn vị kiến thức cơ bản của các văn bản đọc hiểu:**

Ôn tập đọc hiểu văn bản: **THẠCH SANH**

I. KIẾN THỨC CHUNG VỀ THỂ LOẠI TRUYỆN CỔ TÍCH

1. Khái niệm

Truyện cổ tích là:

- loại truyện dân gian
- có nhiều yếu tố hư cấu, kì ảo,
- kể về số phận và cuộc đời của các nhân vật trong những mối quan hệ xã hội.
- thể hiện cái nhìn về hiện thực, bộc lộ quan niệm đạo đức, lẽ công bằng và ước mơ về một cuộc sống tốt đẹp hơn của người lao động.

2. Một số yếu tố của truyện cổ tích

- **Cốt truyện:** Kể về những xung đột trong gia đình, xã hội, phản ánh số phận của các cá nhân và thể hiện ước mơ đổi thay số phận của chính họ.
- **Nhân vật:** đại diện cho các kiểu người khác nhau, chia thành 2 tuyến nhân vật: chính diện (tốt, thiện) và phản diện (xấu ác)
- **Hư cấu:** Có các chi tiết hoang đường, kì ảo.
- **Trình tự kể:** Kể theo trật tự thời gian tuyến tính, thể hiện rõ quan hệ nhân quả.
- **Lời kể:** mở đầu bằng từ ngữ chỉ không gian, thời gian xác định.

3. So sánh truyện truyền thuyết và truyện cổ tích:

- Giống nhau :

- + Đều là truyện dân gian.
- + Đều có yếu tố hoang đường kì ảo.

- Khác nhau:

- + Truyền thuyết kể về các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử.
- + Cổ tích kể về cuộc đời của một số kiểu nhân vật.
- + Truyền thuyết sử dụng yếu tố kì ảo nhằm mục đích thiêng liêng hoá nhân vật, sự kiện.
- + Cổ tích sử dụng yếu tố hoang đường để gửi gắm ước mơ công lí . . .

II. KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ TRUYỆN “THẠCH SANH”

Thể loại	Truyện cổ tích Thạch Sanh
Thể loại	truyện cổ tích kể về người dũng sĩ tài năng dũng cảm. - Kiểu văn bản: Tự sự - Ngôi kể: thứ ba
Bố cục văn bản	<i>Văn bản chia làm: 4 phần</i> - Đoạn 1: Từ đầu => “ <i>đốn củi kiếm ăn</i> ”: Gia cảnh của Thạch Sanh. - Đoạn 2: Tiếp => “ <i>phong cho làm Quận công</i> ”: Thạch Sanh chiến thắng Chăn Tinh, bị Lý Thông cướp công. - Đoạn 3: Tiếp => “ <i>chúng bị sét đánh chết</i> ”: Thạch Sanh đánh nhau với đại bàng, cứu công chúa và con trai vua Thủy Tề; Lý Thông bị trừng phạt. - Đoạn 4: Phần còn lại: Hạnh phúc đến với Thạch Sanh
Nhân vật và sự việc:	Nhân vật chính: Thạch Sanh - Các sự việc chính: - Thạch Sanh là chàng trai nghèo, mồ côi, sống lủi thủi một mình, gia tài chỉ có một chiếc búa kiếm củi nuôi thân. - Thạch Sanh kết nghĩa anh em với Lý Thông. - Mẹ con Lý Thông lừa Thạch Sanh đi chết thay cho mình. - Thạch Sanh diệt chăn tinh, giết đại bàng, bị Lý Thông cướp công. - Thạch Sanh bị hohn chăn tinh và đại bàng trả thù, vu oan, phải vào tù. - Thạch Sanh được giải oan lấy công chúa. - Thạch Sanh chiến thắng quân 18 nước chư hầu. - Thạch Sanh lên ngôi vua.
Nghệ thuật	- Kết cấu cốt truyện mạch lạc, sắp xếp các tình tiết khéo léo, tạo sức hấp dẫn. - Xây dựng hình tượng hai nhân vật đối lập, tương phản. - Chi tiết tưởng tượng kì ảo, hoang đường, giàu ý nghĩa.
Nội dung	- Nội dung: Thạch Sanh là truyện cổ tích về người anh hùng diệt trăn tinh, đại bàng cứu người... - Ý nghĩa: Truyện thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân ta về công lý xã hội, về sự chiến thắng của những con người chính nghĩa lương thiện .

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÂN TÍCH VĂN BẢN

1. Dàn ý

1.1. Nêu vấn đề:

- Giới thiệu chủ đề: Thể loại truyện cổ tích
- Giới thiệu về truyện cổ tích Thạch Sanh (kiểu nhân vật, chủ đề, ý nghĩa)

1.2. Giải quyết vấn đề

a. Nhân vật Thạch Sanh

a.1. Xuất thân

- *Chàng trai nhà nghèo, sống trong một túp lều cũ dưới gốc đa, cả gia tài chỉ có một lưỡi búa*
 - *Sống lẻ loi một mình (cô đơn không người thân thích)*
- ⇒ Kể về gia cảnh của Thạch Sanh ngắn gọn, nhân dân ta nhằm:
- + làm tăng sức hấp dẫn của truyện.
 - + Thể hiện sự quan tâm, ước mơ đổi đời cho những số phận mồ côi, nghèo khổ trong cuộc sống.

a.2. Những thử thách và chiến công của Thạch Sanh

- Bị mẹ con Lí Thông lừa đi canh miếu thờ, thế mạng. Thạch Sanh diệt chằn tinh, được bộ cung tên bằng vàng
- Xuống hang diệt đại bàng, cứu công chúa, bị Lí Thông lấp cửa hang. Diệt đại bàng, cứu công chúa, cứu con vua Thuỷ Tề, được tặng đàn thần.
- Bị hồn chằn tinh, đại bàng báo thù, Thạch Sanh bị bắt vào ngục. Thạch Sanh minh oan, lấy công chúa
- 18 nước chư hầu kéo quân sang đánh. Chiến thắng 18 nước chư hầu, lên ngôi vua.

⇒ Thử thách ngày một tăng, mức độ ngày càng nguy hiểm, chiến công ngày rực rỡ vẻ vang.

*** Phẩm chất của Thạch Sanh :**

Chấp nhận thử thách, không sợ nguy hiểm, chẳng màng gian khổ, bình tĩnh..

- Sự thật thà chất phác
- Sự dũng cảm và tài năng
- Nhân hậu, cao thượng, yêu hoà bình.

a.3. Các yếu tố hoang đường kì ảo

***Con vật kì ảo:**

- **Chằn tinh:** Một yêu quái khổng lồ, thường ăn thịt người, có sức mạnh ghê gớm, lại biết

tàng hình, lắm phép lạ, người đời khiếp sợ, vua quan chịu bó tay.

- **Đại bàng:** : Ở hang sâu bí mật, có mỏ sắc, vuốt nhọn, có sức mạnh ghê gớm, quắp công chúa đi trước mặt bá quan văn võ và các anh tài trong thiên hạ.

=> Đại diện cho cái ác, gieo rắc nỗi kinh hoàng và gây tai họa cho người dân. Con vật này là thử thách để Thạch Sanh thể hiện phẩm chất của người dũng sĩ.

*** Đồ vật kì ảo:**

- **Chiếc đàn kì ảo:** :

+ Là nhạc cụ, cũng là vũ khí: Tiếng đàn làm cho quân 18 nước chư hầu phải cuốn giáp xin hàng

+ Ý nghĩa: là vũ khí đặc biệt để cảm hóa kẻ thù. Tiếng đàn là đại diện cho cái thiện và tình thân yêu chuộng hoà bình của nhân dân ta.

- **Nồi cơm kì ảo:**

+ Quân sĩ 18 nước ăn mãi, ăn mãi nhưng nồi cơm bé xíu cứ hết lại đây.

+ Ý nghĩa: mang đặc điểm kì lạ; biểu tượng cho lòng nhân ái, nhân đạo, không súng đao vẫn đánh đuổi được quân thù, lòng yêu chuộng hòa bình

=> Góp phần tô đậm vẻ đẹp kì diệu của truyện, góp sức cho chiến công của chàng dũng sĩ Thạch Sanh.

b. Nhân vật Lý Thông

- Kết nghĩa anh em anh em với Thạch Sanh là để mưu lợi.

- Lừa Thạch Sanh đi nộp mạng thay cho mình.

- Cướp công cứu công chúa và hãm hại Thạch Sanh

Bản chất của con người Lý Thông: là kẻ lừa lọc, kẻ phản phúc, nham hiểm, xảo quyệt, bất nhân, bất nghĩa...

Hai tuyến nhân vật hoàn toàn trái ngược nhau, phản ánh cuộc đấu tranh giữa cái thiện với cái ác.

Thạch Sanh là nhân vật chính diện, Lý Thông là nhân vật phản diện. Sự đối lập giữa hai nhân vật này chính là sự đối lập giữa thật thà và xảo quyệt, thiện và ác, vị tha và ích kỉ

c. Kết thúc truyện

- Thạch Sanh được cưới công chúa, lên ngôi vua.

→ Phần thưởng xứng đáng và lớn lao với những khó khăn thử thách mà nhân vật đã phải

trải qua. Từ đó ca ngợi những phẩm chất, tài năng của chàng.

- Mẹ con Lý Thông bị sét đánh chết. → Đó là sự trừng phạt tương xứng với tội ác và thủ đoạn ghê tởm của mẹ con Lý Thông đã gây ra.

→ Ý nghĩa kết thúc truyện: Đây là kết thúc có hậu: thể hiện công lí xã hội và ước mơ của nhân dân về lẽ công bằng “ở hiền gặp lành, ác giả ác báo”; về một sự đổi đời. Nhân vật lí tưởng là Thạch Sanh được hưởng cuộc sống giàu sang, sung sướng, hạnh phúc.

1.3 Đánh giá khái quát

a. Nghệ thuật:

- Kết cấu cốt truyện mạch lạc, sắp xếp các tình tiết khéo léo, tạo sức hấp dẫn.
- Xây dựng hình tượng hai nhân vật đối lập, tương phản.
- Chi tiết tưởng tượng kì ảo, hoang đường, giàu ý nghĩa.

b. Nội dung, ý nghĩa :

- Nội dung: Thạch Sanh là truyện cổ tích về người anh hùng diệt trăn tinh, đại bàng cứu người...
- Ý nghĩa: Truyện thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân ta về công lí xã hội, về sự chiến thắng của những con người chính nghĩa lương thiện .

III. LUYỆN ĐỀ

1. Bài tập trắc nghiệm:

Câu 1. Câu nào dưới đây **không** nói về hoàn cảnh của Thạch Sanh khi chàng lớn lên?

- A. Mồ côi cả cha lẫn mẹ, sống lủi thủi trong một túp lều dựng dưới gốc đa.
- B. Được vợ chồng bá hộ thương tình nhận làm con nuôi.
- C. Cuộc sống rất nghèo khổ, gia tài chỉ có một lưỡi búa do cha để lại.
- D. Được Ngọc Hoàng sai người xuống dạy võ nghệ.

Đáp án B

Câu 2. Trong truyện Thạch Sanh, vì sao Lí Thông muốn làm bạn với Thạch Sanh?

- A. Vì thương cảm cho số phận mồ côi của Thạch Sanh.
- B. Vì muốn được che chở cho Thạch Sanh.

C. Vì thấy Thạch Sanh khỏe mạnh, có Thạch Sanh ở cùng sẽ đem lại nhiều lợi ích.

D. Vì Lí Thông cũng có hoàn tương tự như Thạch Sanh.

Đáp án C

Câu 3. Trong truyện Thạch Sanh, chi tiết nào sau đây không mang tính tưởng tượng?

A. Thạch Sanh được sinh ra là do Ngọc Hoàng sai thái tử xuống đầu thai.

B. Người mẹ mang thai trong nhiều năm mới sinh ra Thạch Sanh, C. Khi Thạch Sanh lớn lên, các vị tiên trên trời xuống dạy võ nghệ và các phép biến hóa.

C. Thạch Sanh mồ côi cả cha lẫn mẹ, sống trong một túp lều tranh cạnh cốc đá.

D. Tiếng đàn của Thạch Sanh vừa cất lên thì quân lính của 18 nước chư hầu bủn rủn chân tay, không còn nghĩ gì đến chuyện đánh nhau nữa.

Đáp án C

Câu 4. Trong truyện Thạch Sanh, mẹ con Lí Thông là người như thế nào?

A. Là người nông dân chất phát, thật thà nhưng tốt bụng.

B. Là người ti tiện, bủn xỉn, chỉ muốn lấy của người khác,

C. Là người gian xảo, có lòng dạ nham hiểm và độc ác.

D. Là người có phép thuật và thường xuyên sử dụng phép thuật ấy để làm hại người khác.

Đáp án C

Câu 5. Việc Thạch Sanh dùng tiếng đàn để cảm hóa quân mười tám nước chư hầu và thết đãi họ bằng niêu cơm thần có ý nghĩa gì?

A. Thể hiện tinh thần yêu nước, yêu hòa bình và tấm lòng nhân đạo của nhân dân ta.

B. Cho quân các nước chư hầu thấy được sức mạnh và sự giàu có của nhân dân ta.

C. Thể hiện sự tài giỏi của Thạch Sanh.

D. Thể hiện ước mơ công lí: những người đi xâm lược nhất định sẽ thất bại, những người yêu chuộng hòa bình sẽ thắng lợi.

Đáp án A

***Bài tập đọc hiểu:**

GV hướng dẫn HS thực hành các đề đọc hiểu về văn bản “Thạch Sanh”:

Đề số 01:

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“Một hôm có người hàng rượu tên là Lí Thông đi qua đó. Thấy Thạch Sanh gánh về một gánh củi lớn, hắn nghĩ bụng: “Người này khoẻ như voi. Nó về ở cùng thì lợi biết bao nhiêu”. Lí Thông lân la gọi chuyện, rồi gạ cùng Thạch Sanh kết nghĩa anh em. Sớm mồ côi cha mẹ, tứ cố vô thân, nay có người sẵn sóc đến mình, Thạch Sanh cảm động, vui vẻ nhận lời. Chàng từ giã gốc đa, đến sống chung với mẹ con Lí Thông.

Bấy giờ, trong vùng có con chằn tinh, có nhiều phép lạ, thường ăn thịt người. Quan quân đã nhiều lần đến bẫy vây định diệt trừ nhưng không thể làm gì được. Dân phải lập cho nó miếu thờ, hằng năm nạp một mạng người cho chằn tinh ăn thịt để nó đỡ phá phách.

Năm ấy, đến lượt Lý Thông nộp mình. Mẹ con hắn nghĩ kế lừa Thạch Sanh chết thay. Chiều hôm đó, chờ Thạch Sanh kiếm củi về, Lý Thông dọn một mâm rượu thịt ê hề mời ăn, rồi bảo:

- Đêm nay, đến phiên anh canh miếu thờ, ngặt vì dở cất mẻ rượu, em chịu khó đi thay anh, đến sáng thì về.

Thạch Sanh thật thà, nhận lời đi ngay..

(Theo Nguyễn Đồng Chi)

Câu 1. Đoạn trích trên được trích từ văn bản nào? Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

Câu 2. Chỉ ra chi tiết thần kì trong đoạn trích trên.

Câu 3. Đoạn trích trên giúp em hiểu gì về bản chất hai nhân vật Lí Thông, Thạch Sanh?

Câu 4. Từ đoạn trích trên, em rút ra bài học gì cho bản thân trong cách ứng xử với mọi người?

Gợi ý trả lời

Câu 1:

- Đoạn trích được trích từ truyện cổ tích “Thạch Sanh”.
- Phương thức biểu đạt chính: Tự sự

Câu 2:

Chi tiết thần kì có trong đoạn trích là chi tiết về chằn tinh có nhiều phép lạ, thường ăn thịt người.

Câu 3: Bản chất hai nhân vật Lí Thông, Thạch Sanh thể hiện qua đoạn trích:

+ Lí Thông: gian xảo, ích kỉ, nham hiểm (kết nghĩa anh em với Thạch Sanh nhằm mưu lợi; lừa Thạch Sanh đi chết thay mình).

+ Thạch Sanh thật thà, vị tha, có phần cả tin .

Sự đối lập giữa hai nhân vật là sự đối lập giữa phe thiện và phe ác.

Câu 4: HS nêu suy nghĩ của bản thân.

Có thể nêu: Từ đoạn trích trên, em rút ra bài học cho bản thân: Trong cách ứng xử với mọi người, ta không nên ích kỉ chỉ nghĩ đến lợi ích của bản thân mình mà lợi dụng người khác; cần phải biết sống vì người khác. Bên cạnh đó, ta cũng cần đề phòng trước những kẻ xấu.

Đề số 02:

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“Cuối cùng các hoàng tử phải cởi giáp ra hàng. Thạch Sanh sai dọn một bữa cơm thiết đãi những kẻ thua trận. Cả mấy vạn tướng lĩnh, quân sĩ thấy Thạch Sanh chỉ cho dọn ra vẻn vẻn có một niêu cơm tí xíu, bĩu môi, không muốn cầm đũa. Biết ý, Thạch Sanh đổ họ ăn hết được niêu cơm và hứa sẽ trọng thưởng cho những ai ăn hết. Quân sĩ mười tám nước ăn mãi, ăn mãi nhưng niêu cơm bé xíu cứ ăn hết lại đầy. Chúng cúi đầu lạy tạ vợ chồng Thạch Sanh rồi kéo nhau về nước

Về sau, vua không có con trai, đã nhường ngôi cho Thạch Sanh”.

(Theo Nguyễn Đồng Chi)

Câu 1. Truyện “Thạch Sanh” thuộc thể loại nào? Nhân vật Thạch Sanh thuộc kiểu nhân vật nào?

Câu 2a. Xác định ít nhất 01 từ ghép có trong đoạn trích. Đặt 01 câu với từ ghép đó (Không viết lại câu đã có trong đoạn trích đọc hiểu).

Câu 2b. Phân loại các từ trong câu sau theo cấu tạo từ:

“Cả mấy vạn tướng lĩnh, quân sĩ thấy Thạch Sanh chỉ cho dọn ra vẻn vẻn có một niêu cơm tí xíu, bĩu môi, không muốn cầm đũa.”

(GV chọn một trong 2 câu: 2a hoặc 2b)

Câu 3. Chỉ ra và nêu ý nghĩa của chi tiết thần kì trong đoạn trích trên.

Câu 4. Nêu chủ đề của truyện “Thạch Sanh”. Kể tên những truyện đã học hoặc đã đọc cùng chủ đề với truyện “Thạch Sanh” (Kể tối thiểu 03 truyện)

Gợi ý trả lời

Câu 1:

- Truyện “Thạch Sanh” thuộc thể loại truyện cổ tích.
- Nhân vật Thạch Sanh thuộc kiểu nhân vật dũng sĩ.

Câu 2a: HS tự xác định 01 từ ghép có trong đoạn trích và đặt câu.

Ví dụ: từ ghép “niêu cơm”

Đặt câu: Hình ảnh niêu cơm thần kì là chi tiết đặc sắc, có giá trị thẩm mĩ cao trong truyện cổ tích “Thạch Sanh”.

Câu 2b:

Câu văn: “Cả mấy vạn tướng lĩnh, quân sĩ thấy Thạch Sanh chỉ cho dọn ra vẻn vẻn có một niêu cơm tí xíu, bĩu môi, không muốn cầm đũa.”

Từ đơn	Từ ghép	Từ láy
Cả, mấy, vạn, thấy, chỉ, cho, dọn, ra, có, một, không, muốn	tướng lĩnh, quân sĩ, niêu cơm, tí xíu, bĩu môi, cầm đũa	vẻn vẻn

Câu 3:

- Chi tiết thần kì trong đoạn trích: niêu cơm thết đãi quân lính 18 nước chư hầu của Thạch Sanh cứ ăn hết lại đầy.
- Ý nghĩa của chi tiết niêu cơm thần kì: tượng trưng cho tấm lòng nhân đạo, tư tưởng yêu hoà bình của nhân dân ta.

Câu 4:

- Chủ đề: phản ánh cuộc đấu tranh giữa cái thiện và cái ác, thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân về sự chiến thắng của những con người chính nghĩa, lương thiện)
- Một số truyện đã học hoặc đã đọc cùng chủ đề với truyện “Thạch Sanh”:

+ *Tấm Cám*

+ *Cây tre trăm đốt*

+ *Cây khế*

....

Đề số 03:

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

“Khi cậu bé vừa khôn lớn thì mẹ chết. Cậu sống lủi thủi trong một túp lều cũ dựng dưới gốc đa, cả gia tài chỉ có một cái lưỡi búa của cha để lại. Người ta gọi cậu là Thạch Sanh. Năm Thạch Sanh bắt đầu biết dùng búa, Ngọc Hoàng đã sai thiên thần xuống dạy cho đủ các môn võ nghệ và mọi phép thần thông.”

(Theo Nguyễn Đồng Chi)

Câu 1: Đoạn trích trên nói về nội dung gì?

Câu 2: Phương thức biểu đạt chính trong đoạn trích trên? Nhân vật Thạch Sanh thuộc kiểu nhân vật nào trong truyện cổ tích?

Câu 3: Tìm cụm danh từ có trong đoạn trích trên?

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1: Đoạn trích giới thiệu lai lịch của Thạch Sanh.

Câu 2: Phương thức biểu đạt chính trong đoạn văn trên là tự sự.

Nhân vật Thạch Sanh thuộc kiểu nhân vật mồ côi, dũng sĩ.

Câu 3: Cụm danh từ: *một túp lều cũ dựng dưới gốc đa, cả gia tài, một lưỡi búa của cha để lại, các môn võ nghệ, mọi phép thần thông.*

Đề số 04:

Đọc đoạn trích sau, trả lời câu hỏi:

“Thạch Sanh sai dọn một bữa cơm thết đãi những kẻ thua trận.... Chúng cúi đầu lạy tạ vợ chồng Thạch Sanh rồi kéo nhau về nước”.

Câu 1: Đoạn trích trên nằm trong văn bản nào?

Câu 2: Thể loại của văn bản có chứa đoạn trích?

Câu 3: Tìm chi tiết tưởng tượng kì ảo có trong đoạn trích trên.

Câu 4: Trình bày cảm nhận của em về chi tiết kì ảo đó bằng một đoạn văn ngắn.

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1: - VB: Thạch Sanh

Câu 2:- Thể loại: Truyện cổ tích

Câu 3: - Chi tiết niêu cơm thần

Câu 4. Gv gợi ý các ý chính trong đoạn văn.

- Giới thiệu TCT TS: *Thạch Sanh* là câu chuyện thể hiện ước mơ, niềm tin về đạo đức, công lý xã hội và lý tưởng nhân đạo, yêu hòa bình của nhân dân ta.

- Nêu được chi tiết kì ảo: Trong đoạn trích trên, niêu cơm thần là một chi tiết tưởng tượng kì ảo giàu ý nghĩa.

- Cảm nhận của em về chi tiết đó: Niêu cơm có khả năng phi thường, cứ ăn hết lại đầy, làm cho quân sĩ 18 nước chư hầu ban đầu coi thường, chế giễu, nhưng sau đó phải ngạc nhiên, khâm phục. Niêu cơm thần không những đã cảm hóa được quân thù mà còn khiến chúng phải cúi đầu khâm phục. Vì thế, niêu cơm tượng trưng cho tình thương, lòng nhân ái, ước vọng đoàn kết, tư tưởng yêu hòa bình của dân ta. Ngoài ra, hình ảnh đó còn mang ước mơ lãng mạn về sự no đủ của cư dân nông nghiệp VN ta khi có được niêu cơm cứ ăn hết lại đầy thì lao động của con người sẽ trở nên đỡ vất vả hơn, mọi người sẽ có được cuộc sống no đủ, hạnh phúc.

Đề bài 05: Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

“Hồi đó, có một nước láng giềng lắm le muồn chiếm bờ cõi nước ta. Để dò xem bên này có nhân tài hay không, họ sai sứ đưa sang một cái vỏ con ốc vặn rất dài, rộng hai đầu, đổ làm sao sâu được sợi chỉ mảnh xuyên qua đường ruột ốc.

Sau khi nghe xứ thần trình bày mục đích cuộc đi xứ, vua quan đưa mắt nhìn nhau. Không trả lời được câu đố oái oăm ấy là tỏ ra thua kém và thừa nhận sự thần phục của mình đối với nước láng giềng. Các đại thần đều vô đầu suy nghĩ. Có người dùng miệng hút. Có người bôi sáp vào sợi chỉ cho cứng để cho dễ sâu, v.v... Nhưng, tất cả mọi cách đều vô hiệu. Bao nhiêu ông trạng và các nhà thông thái đều được triệu vào đều lắc đầu bó tay. Cuối cùng, triều đình đành mời sứ thần ra ở công quán để có thời gian đi hỏi ý kiến em bé thông minh nọ.

Khi viên quan mang dụ chỉ của vua đến thì em còn đùa nghịch ở sau nhà. Nghe nói việc sâu chỉ vào vỏ ốc, em bé hát lê một câu:

*Tang tình tang! Tang tình tang!
Bắt con kiến càng buộc chỉ ngang lưng,
Bên thời lấy giấy mà bưng,
Bên thời bôi mỡ, kiến mừng kiến sang
Tang tình tang...*

rồi bảo:

- Cứ theo cách đó là sâu được ngay!

Viên quan sung sướng, vội vàng trở về tâu vua. Vua và các triều thần nghe nói mừng như mở cờ trong bụng. Quả nhiên, con kiến càng đã xâu được sợi chỉ xuyên qua đường ruột ốc hộ cho nhà vua trước con mắt thần phục của sứ thần nước láng giềng.

Liền đó, vua phong cho em bé làm trạng nguyên. Vua lại sai xây dinh thự ở một bên hoàng cung để cho em ở, để tiện hỏi han”.

(Theo Nguyễn Đông Chi, Truyện Em bé thông minh).

Câu 1. Truyện *Em bé thông minh* kể về kiểu nhân vật nào trong truyện cổ tích?

Câu 2. Thử thách giải đố do ai đưa ra? Cách giải đố của nhân vật em bé có gì độc đáo?

Câu 3. Trong đoạn trích, việc giải đố đã thể hiện phẩm chất gì của nhân vật em bé?

Câu 4. Em có suy nghĩ gì về kết thúc truyện “Em bé thông minh”?

Câu 5a: Theo em, việc tích lũy kiến thức từ đời sống có tác dụng gì đối với chúng ta?

Câu 5b. Nhớ lại và ghi ra những thử thách mà nhân vật em bé phải giải đố trong truyện “Em bé thông minh”. Em thấy thú vị với lần vượt qua thử thách nào nhất của nhân vật? Vì sao?

(GV chọn câu 5a hoặc 5b)

Gợi ý trả lời

Câu 1: Truyện *Em bé thông minh* kể về kiểu nhân vật thông minh.

Câu 2:

- Thử thách giải đố do sứ thần nước láng giềng đưa ra.

- Cách giải đố của nhân vật em bé: Thay vì trả lời trực tiếp, em bé hát một câu, trong đó có chứa lời giải câu đố. Em bé đã vận dụng trí tuệ dân gian; câu đố với em cũng chỉ là một trò chơi.

Câu 3: Việc giải đố đã thể hiện sự thông minh, nhanh nhẹn, tài năng của nhân vật em bé.

Câu 4: Truyện kết thúc có hậu, em bé được phong làm trạng nguyên, được tặng dinh thự. Đó là phần thưởng xứng đáng với tài năng, trí tuệ của em.

Câu 5a. HS nêu suy nghĩ của bản thân. Có thể nêu:

- Việc tích lũy kiến thức đời sống giúp ta có thể vận dụng vào những tình huống thực tế một cách nhạy bén, hợp lí mà đôi khi kiến thức sách vở chưa chắc đã dạy ta.

- Kiến thức đời sống phần lớn là kiến thức truyền miệng được ông cha ta đúc kết bao đời, truyền lại thế hệ sau nên đó là vốn trí tuệ nhân dân bao đời. Do đó kiến thức đời sống là kho kiến thức phong phú, vô tận mà ta có thể áp dụng linh hoạt, tùy từng hoàn cảnh.

Câu 5b.

- Trong truyện, em bé đã vượt qua 4 thử thách:

+ Lần thứ nhất: Trả lời câu hỏi phi lí của viên quan, khi viên quan hỏi cha cậu cày mỗi ngày được mấy đường.

- + Lần thứ hai: nhà vua bắt dân làng cậu bé nuôi trâu đực phải đẻ được con.
- + Lần thứ ba: Trả lời câu đố vua giao cho chính mệnh, lém sao thịt một con chim sẽ phải dọn thính ba cỗ bín thức ăn
- + Lần thứ tư: câu đố hóc búa của sứ thần xâu sợi chỉ mềm qua đường ruột ốc xoắn dài.
 - HS lựa chọn và lí giải thử thách nào bản thân thấy thú vị nhất.

Viết kết nối:

1. Có ý kiến cho rằng: Thạch Sanh chỉ tồn tại trong truyện cổ tích. Em có đồng ý không? Vì sao?
2. Hình ảnh chàng Thạch Sanh – người dũng sĩ dân gian là một hình ảnh đẹp, có lòng dũng cảm, chiến đấu để diệt trừ cái ác, bảo vệ cuộc sống cộng đồng. Viết một đoạn văn (5-7 câu) kể về một dũng sĩ mà em gặp ở ngoài đời hoặc biết qua sách báo; hoặc vẽ tranh, làm thơ, dựng một hoạt cảnh.

Gợi ý:

1. HS trình bày quan điểm:

- Đồng ý. + Lí giải Thạch Sanh trong truyện cổ tích làm nên những chiến công phi thường là một phần nhờ vào những trợ giúp của yếu tố thần kì...Nhưng thực tế, những người hùng gặp muôn vàn khó khăn, thậm chí cả hi sinh...

+ Truyện cổ tích là thế giới của ước mơ.

- Không đồng ý: HS lấy được dẫn chứng cụ thể về những người hùng. Nếu biết ước mơ, dám đương đầu với thử thách, con người vẫn có thể làm nên kì tích.

2. Viết đoạn văn (hoặc vẽ tranh, làm thơ, dựng một hoạt cảnh) về người dũng sĩ mà em gặp trong thực tế.

* Nội dung đoạn văn

- Xác định một dũng sĩ mà em gặp ở ngoài đời hoặc biết qua sách báo để lại ấn tượng sâu sắc nhất.

- Đó là ai? (Thu thập thông tin liên quan đến người dũng sĩ mà em ấn tượng)

- Những việc làm, hành động cụ thể của họ là gì, những chiến công nào phi thường tạo nên niềm cảm kích với mọi người.

- Cảm xúc của em trước tấm gương người dũng sĩ đó.

* Hình thức đoạn văn, hoặc vẽ tranh, làm thơ, dựng một hoạt cảnh

Lưu ý: Phần vẽ tranh, làm thơ, dựng hoạt cảnh khuyến khích HS có năng khiếu, về nhà làm thêm.

Đoạn văn tham khảo:

Gần đây, cái tên Nguyễn Ngọc Mạnh ở Hà Nội đang làm dậy sóng mọi trang báo, đài, anh là được mệnh danh là dũng sĩ, siêu nhân (1). Anh chỉ là một người lái xe tải nhỏ vận chuyển hàng hóa, một người lao động bình thường, nhưng anh đã có hành động phi thường (2). Trong lúc đỗ xe, anh bất ngờ nghe tiếng kêu cứu của một người phụ nữ ở toà trung cư Q. Thanh Xuân (3). Anh quan sát thấy một em bé bất ngờ tự bò ra ban công ở tầng 12, trèo ra bên ngoài lan can rồi treo mình lơ lửng ở độ cao hơn 30 m (4). Nhanh như cắt, anh trèo lên bờ tường, leo thẳng lên mái tôn, cách mặt đất chừng 4m, xoay người, giơ tay đỡ lấy em bé (5). Do đà rơi quá mạnh, anh chỉ kịp túm lấy cháu bé, và hai chú cháu cùng ngã khụy xuống (thùng cả một miếng tôn) (6). Cô bé được người dân đưa đi cấp cứu, và bình phục ngay sau đó mấy ngày, còn anh Mạnh cũng bị thương (7). Hành động của anh tạo niềm cảm kích cho tất cả, anh xứng đáng được mọi người đặt cho cái tên “người hùng”; hành động của anh khiến chúng ta tin rằng, cố tích không chỉ là cố tích, mà cố tích vẫn luôn tồn tại, nếu mỗi con người biết sống yêu thương (8).

BUỔI 2:

Ôn tập văn bản: CÂY KHẾ

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ TRUYỆN “CÂY KHẾ”

Thể loại	- Truyện cổ tích - Kiểu nhân vật: bất hạnh. - Ngôi kể: thứ ba.
Cốt truyện	- Nhân vật: người anh, người em, con chim thần... - Sự việc: 1 - b. <i>Cha mẹ chết, người anh chia gia tài, người em chỉ được cây khế.</i> 2 - d. <i>Cây khế có quả, chim đến ăn, người em phàn nàn và chim hện trả ơn bằng vàng.</i> 3 - a. <i>Chim chở người em bay ra đảo lấy vàng, nhờ thế người em trở nên giàu có.</i> 4 - c. <i>Người anh biết chuyện, đổi gia tài của mình lấy cây khế, người em bằng lòng.</i>

	5 - e. Chim lại đến ăn, mọi chuyện diễn ra như cũ, nhưng người anh may túi quá to và lấy quá nhiều vàng. 6 - g. Người anh bị rơi xuống biển và chết.
Bố cục văn bản	- Đoạn 1: Từ đầu => “hai vợ chồng em ở riêng”: Giới thiệu về người anh, người em và cách phân chia tài sản. - Đoạn 2: Tiếp => “vợ chồng người em trở nên giàu có.”: Chuyện ăn khế trả vàng của người em - Đoạn 3: Phần còn lại: Âm mưu của người anh và sự trừng phạt.
Ý nghĩa của cách mở đầu truyện	- Thời gian : ngày xưa, ngày xưa (thuở rất xa xưa; lâu lắm rồi không biết nữa) → quá khứ - Không gian: ở một nhà kia (ở một làng nọ, ở một huyện nọ) → không xác định - Ý nghĩa: đây là công thức mở đầu, có ý nghĩa phiếm chỉ không gian – thời gian xảy ra câu chuyện, nhằm đưa người đọc vào thế giới hư cấu thuận lợi hơn.
Nghệ thuật	- Sắp xếp các tình tiết tự nhiên, khéo léo. - Sử dụng chi tiết thần kì. - Kết thúc có hậu. - Xây dựng hình tượng hai nhân vật đối lập, tương phản
Ý nghĩa	- Nội dung: Tác giả dân gian ca ngợi những con người hiền lành, chăm chỉ, thật thà; đồng thời lên án, đấu tranh chống lại lòng tham lam, ích kỉ của con người. - Ý nghĩa: Từ những kết cục khác nhau đối với người anh và người em, tác giả dân gian muốn gửi gắm bài học về đền ơn đáp nghĩa, niềm tin ở hiền sẽ gặp lành và may mắn đối với tất cả mọi người.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÂN TÍCH VĂN BẢN

1. Dàn ý

1.1. Nêu vấn đề:
1.2 Giải quyết vấn đề a. Ý nghĩa chi tiết kì ảo * Chim thần: - Đặc điểm: biết nói tiếng người, biết chỗ cất giấu của cải.

- Ý nghĩa: con vật kì ảo nằm trong danh sách lực lượng thần kì của thế giới cổ tích:
- + xuất hiện nhằm tạo ra những điều kì diệu;
- + thực hiện chức năng ban thưởng cho nhân vật tốt hoặc trừng phạt nhân vật xấu.
- **Câu nói của con chim lớn:** *ăn một quả, trả cục vàng, may túi ba gang, mang đi mà đựng*
- Ý nghĩa: câu nói có vần, dễ thuộc, dễ nhớ. Ngày nay câu ăn một quả, trả cục vàng hay ăn khế, trả vàng cũng thường được nhân dân dùng để chỉ một việc làm được trả công hậu hĩnh, có kết quả tốt đẹp.

*** Không gian kì ảo: đảo xa**

- **Đặc điểm:** *chim bay mãi, bay mãi, qua bao nhiêu là miền, hết đồng ruộng đến rừng xanh, hết rừng xanh đến biển cả, ra tới giữa biển.*

- **Vai trò:**

- + giúp người em có cuộc sống giàu có.
- + nhấn mạnh ý nghĩa của không gian kì ảo cùng rất nhiều bất ngờ mà không gian kì ảo đó mang lại cho nhân vật trong thế giới cổ tích.

b.Nhân vật người anh, người em và bài học từ truyện

b.1. Nhân vật:

- *Người anh:* ích kỷ, keo kiệt, tham lam, vô ơn, sống không có tình nghĩa

- *Người em:* Tốt bụng, thật thà, lương thiện, biết ơn, giàu tình nghĩa.

Hai nhân vật đối lập nhau hoàn toàn, đó cũng chính là sự đối lập giữa tốt- xấu; thiện- ác; để làm nổi bật mỗi xung đột gay gắt trong phạm vi gia đình và xã hội.

Nhân vật người em là nhân vật lí tưởng, đại diện cho phẩm chất nhân hậu, chăm chỉ, tốt bụng...của những người lao động nghèo khổ, được thay đổi số phận, ở hiền gặp lành.

b.2. Kết cục và bài học:

*Người anh tham lam bị chết chìm dưới biển, người em được sống cuộc sống sung túc, bình yên. Sự tham lam ích kỉ bị trả giá, lòng nhân hậu, thật thà được đền đáp.

* Bài học:

- Không tham lam, biết vừa đủ;
- Sống nhân hậu, tình nghĩa, biết giữ lời hứa, biết đền đáp ơn nghĩa.
- Anh em trong gia đình phải biết thương yêu, đùm bọc, giúp đỡ nhau.
- Cần phải luôn chăm chỉ, cần mẫn lao động thì mới có được thành quả tốt

1.3 Đánh giá khái quát

a. Nghệ thuật:

- Sắp xếp các tình tiết tự nhiên, khéo léo.
- Sử dụng chi tiết thần kì.
- Kết thúc có hậu.
- Xây dựng hình tượng hai nhân vật đối lập, tương phản.

b. Nội dung, ý nghĩa :

- Nội dung: Tác giả dân gian ca ngợi những con người hiền lành, chăm chỉ, thật thà; đồng thời lên án, đấu tranh chống lại lòng tham lam, ích kỉ của con người.

- Ý nghĩa: Từ những kết cục khác nhau đối với người anh và người em, tác giả dân gian

muốn gửi gắm bài học về đền ơn đáp nghĩa, niềm tin ở hiền sẽ gặp lành và may mắn đối với tất cả mọi người.

III. LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU:

Đề số 01:

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“... Người anh hỏi biết sự tình, bèn năn nỉ với em xin đổi tất cả gia sản của mình để lấy mảnh vườn có cây khế ngọt. Người em thương anh nên cũng bằng lòng đổi. Đến mùa khế có quả, chim phượng hoàng lại đến ăn. Người anh xua đuổi ầm ĩ, chim bèn nói như trước rằng:

Ăn một quả,
Trả cục vàng,
May túi ba gang,
Mang đi mà đựng.

Được lời, người anh may giấu một cái túi sáu gang. Rồi chim cũng chở anh đi đến nơi hải đảo đầy bạc vàng châu báu. Nhưng tính tham lam làm mắt anh hoa lên khi thấy hải đảo có nhiều của quý giá. Anh ta loay hoay mãi không biết nên lấy thứ gì, bỏ thứ gì. Khi nghe chim giục chở về, anh vợ bạc vàng châu báu đầy ắp cái túi sáu gang, quần vào ngang lưng, ngoài ra còn giắt thêm khắp người. Anh ta leo lên lưng chim, chim phải đập cánh ba lần mới lên nổi. Chim cố sức bay, đến giữa biển cả, vì nặng quá, suýt đâm nhào xuống nước mấy lần.

Khi gần đến đất liền, chim lao đảo, nghiêng cánh, người anh mang cả túi vàng bạc rơi tòm xuống biển sâu và bị sóng cuốn đi mất tích.”

(Trích truyện cổ tích Cây khế)

Câu 1. Xác định ngôi kể của văn bản ?

Câu 2. Khi được chim phượng hoàng chở đến đảo vàng, người anh đã có hành động như thế nào? Điều đó thể hiện đặc điểm gì của nhân vật?

Câu 3. Con chim đưa hai anh em ra đảo hoang có phải là con vật kỳ ảo không? Vì sao?

Câu 4. Kết cục của người anh giúp em nhận ra những bài học quý báu gì cho mình?

Gợi ý trả lời

Câu 1. ngôi kể thứ ba

Câu 2. Khi được chim phượng hoàng chở đến đảo vàng, người anh đã có hành động: vợ bạc vàng châu báu đầy ắp cái túi sáu gang, quần vào ngang lưng, ngoài ra còn giắt thêm khắp người. Điều này thể hiện bản chất tham lam, vô độ.

Câu 3. Con chim đưa hai anh em ra đảo hoang có phải là con vật kỳ ảo không? Vì sao?

Trả lời

- Con chim đưa hai anh em ra đảo hoang là con vật kì ảo. Vì nó mang 1 số đặc điểm như:

- + Biết nói tiếng người: “Ăn một quả, trả cục vàng, may túi ba gang, mang đi mà đựng!”
- + Có phép thần kì, biết chỗ cất giấu của cải, vàng bạc, kim cương,...

Câu 4. Kết cục của người anh giúp em nhận ra những bài học:

- Cần phải luôn chăm chỉ, cần mẫn lao động thì mới có được thành quả tốt
- Hiền lành, tốt bụng thì sẽ được đền đáp xứng đáng.
- Quá tham lam thì sẽ phải gánh chịu hậu quả.
- Hãy giúp đỡ người khác khó khăn hơn mình.

Đề số 02:

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

“...Ông lão không dám trái lời mẹ. Ông lại đi ra biển. Một cơn dông tố kinh khủng kéo đến, mặt biển nổi sóng ầm ầm. Ông lão gọi con cá vàng. Con cá bơi đến hỏi:

- Ông lão có việc gì thế? Ông lão cần gì?

Ông lão chào con cá và nói:

- Cá ơi, giúp tôi với! Thương tôi với! Tôi sống làm sao được với mẹ vợ quái ác này! Bây giờ mẹ không muốn làm nữ hoàng nữa, mẹ muốn làm Long Vương ngự trên mặt biển, để bắt cá vàng phải hầu hạ mẹ và làm theo ý của mẹ.

Con cá vàng không nói gì, quẫy đuôi lặn sâu xuống đáy biển. Ông lão đứng trên bờ đợi mãi không thấy nó lên trả lời, mới trở về. Đến nơi, ông sững sốt, lâu đài, cung điện biến đâu mất, trước mắt ông lão lại thấy túp lều nát ngày xưa và trên bậc cửa, mẹ vợ đang ngồi trước cái máng lợn sứt mẻ.

(Trích “Ông lão đánh cá và con cá vàng” – Puskin kể)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

Câu 2: Chỉ ra yếu tố kì ảo trong đoạn trích.

Câu 3: Chỉ ra và nêu ý nghĩa của chi tiết miêu tả cảnh biển trước đòi hỏi của mẹ vợ ông lão trong đoạn trích.

Câu 4: Theo em, vì sao cá vàng lại không đáp ứng yêu cầu của mẹ vợ ông lão?

Câu 5: Từ kết cục của mẹ vợ ông lão đánh cá trong đoạn trích, em rút ra bài học gì cho bản thân?

Gợi ý trả lời

Câu 1: PTBD chính: tự sự

Câu 2: Yếu tố kì ảo:

- + cá vàng biết nói tiếng người
- + cung điện biến mất, chỉ còn túp lều nát, cái máng lợn sứt mẻ

Câu 3:

- Chi tiết miêu tả cảnh biển: *Một cơn dông tố kinh khủng kéo đến, mặt biển nổi sóng ầm ầm.*
- Ý nghĩa của chi tiết cảnh biển này: thể hiện thái độ của nhà văn không đồng tình với đòi hỏi quá quắt của mẹ vợ ông lão đánh cá.

Câu 4:

- Theo em, cá vàng không đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của mẹ vợ ông lão vì đòi hỏi của mẹ vô cùng quá quắt, điều đó cho thấy lòng tham của mẹ không có tận cùng.

- Cá vàng không những không đáp ứng đòi hỏi lần này của mẹ vợ ông lão mà còn lấy lại những gì đã cho mẹ, đó là sự trừng phạt cho thói tham lam, ích kỉ của mẹ vợ kia.

Câu 5: Bài học rút ra cho bản thân:

- Hãy sống lương thiện bằng chính khả năng và sức lực của mình.
- Không nên tham lam mù quáng.

Đề số 03: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

[...] Được gặp lại và sống bên các anh nàng, Li-dơ càng nóng lòng tìm cách giải thoát cho các anh. Ý nghĩ ấy không phút nào rời nàng cả. Và quả nhiên một đêm nàng mơ thấy bà tiên ở lâu đài Moóc-gan bày cho cách giải thoát các anh của nàng. Bà tiên nói: “Con phải đi hái cây tầm ma^[1] ngoài nghĩa địa và con sẽ bị phỏng tay, đau đớn vô cùng. Con hãy lấy chân dẫm nát cây ra và được một loại sợi gai mà con sẽ dùng để dệt mười một chiếc áo dài tay. Dệt xong con quàng áo lên mười một con thiên nga và như vậy là phép ma sẽ tiêu tan. Nhưng đây mới là điều cấm nặng nề nhất là từ lúc bắt đầu dệt cho đến khi dệt xong con không được nói một câu. Nếu con chỉ nói một tiếng thôi thì tiếng nói đó sẽ là nhát dao đâm xuyên tim các anh con”.

Nàng bừng tỉnh và bắt đầu làm việc ngay để giải thoát cho các anh nàng.

Qua hai ngày làm việc cật lực, hai bàn tay nàng bị phỏng cả lên, đau đớn vô cùng. Nhưng nàng đã bắt đầu dệt những chiếc áo dài tay bằng sợi cây tầm ma xanh thẫm.

(Trích “Bầy thiên nga” – An-đéc-xen)

Chú thích: [1]Tầm ma: một loại cây có sợi, giống cây gai ở nước ta.

Câu 1: Chỉ ra chi tiết kì ảo trong đoạn trích.

Câu 2: Mục đích cô bé Li-dơ dệt những chiếc áo dài tay từ sợi cây tầm ma là gì?

Câu 3: Để đạt được mục đích trên, cô bé Li-dơ phải đối mặt với những thử thách gì?

Câu 4: Từ việc làm của cô bé Li-dơ, em rút ra cho mình bài học gì về tình cảm anh em trong gia đình.

Gợi ý trả lời

Câu 1: Chi tiết kì ảo:

- Chi tiết bà tiên báo mộng cho cô bé Li-dơ cách cứu các anh trai.
- Chi tiết áo được dệt từ cây tầm ma sẽ làm phép ma tiêu tan.

Câu 2: Mục đích cô bé Li-dơ dệt những chiếc áo dài tay từ sợi cây tầm ma nhằm giải thoát các anh của mình khỏi phép ma thuật (của mẹ hoàng hậu vốn là phù thủy), giúp các anh trai của cô quay trở về hình dạng của con người.

Câu 3: Những thử thách: cô phải đi hái cây tầm ma ngoài nghĩa địa, sẽ bị phỏng tay, đau đớn vô cùng. Cô phải lấy chân dẫm nát cây ra để được một loại sợi gai sẽ dùng để dệt mười một chiếc áo dài tay; không được nói nửa lời trong suốt quá trình dệt 11 chiếc áo cho các anh trai.

Câu 4: Bài học về tình cảm anh em: Anh em trong một nhà phải biết thương yêu, đùm bọc lẫn nhau; phải biết giúp đỡ nhau khi gặp hoạn nạn...

Viết kết nối:

Câu 1. Tưởng tượng một kết thúc khác cho truyện “*Cây khế*”. Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) kể về kết thúc đó.

* Nội dung đoạn văn

- Xác định: Tưởng tượng một kết thúc khác cho câu chuyện. Mỗi nhân vật có những đổi thay gì (theo suy nghĩ của em). Ví dụ đặt ra tình huống: Nếu người anh rơi xuống biển mà được cứu, em muốn người anh thay đổi như thế nào?

- Từ đó, em bày tỏ thêm suy nghĩ của mình: cần sống biết yêu thương, cần biết nhận lỗi và sửa lỗi.

* Hình thức đoạn văn: 5- 7 câu

Gợi ý: Viết đoạn văn:

Đoạn văn tham khảo: Sau khi bị rơi xuống biển, người anh trôi dạt và được một chiếc thuyền của người dân đánh cá trên biển cho vào bờ. Người anh lang thang khắp mọi nơi, trở thành người ăn xin. Còn về phần người em, khi đợi mãi không thấy anh về, người em đã đi tìm, tìm mãi, tìm mãi, cuối cùng hai anh em đã gặp nhau. Mừng mừng tủi tủi, người em ôm chặt anh, người anh ứa nước mắt, ân hận vô cùng. Người anh xin lỗi vợ chồng người em, và xin hứa sống cuộc sống thanh bần, không màng đến vàng bạc nữa.

Ôn tập VB: VUA CHÍCH CHÒE

ANH THƯ

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ TRUYỆN CỔ TÍCH “VUA CHÍCH CHÒE”

Xuất xứ	Trích từ tập “truyện cổ Gờ- rim” Là truyện kể gia đình cho trẻ em là một tập hợp các <u>truyện cổ tích</u> tiếng <u>Đức</u> lần đầu tiên được xuất bản năm 1812 bởi <u>Anh em nhà Grimm</u>, <u>Jacob</u> và <u>Wilhelm</u>. - <u>UNESCO</u> chính thức công nhận Truyện cổ Grimm là di sản văn hóa thế giới.
Thể loại	Truyện cổ tích - PTBD chính: Tự sự. - Ngôi kể: thứ ba
Cốt truyện:	- Nhân vật: nàng công chúa, Vua chích chòe, ... - Sự việc chính + Nhà vua có một cô con gái xinh đẹp tuyệt trần nhưng vô cùng kiêu ngạo, ngông cuồng. + Vua cha mở buổi yến tiệc, để tìm phò mã. + Công chúa chê hết người này đến người khác, khiến nhà vua tức giận hứa sẽ gả công chúa cho người ăn xin đầu tiên đến diện kiến. + Nhà vua gả công chúa cho gã hát rong, công chúa theo gã về nhà. + Công chúa dần dần làm qua nhiều việc: dọn nhà, làm bếp, đan sọt, dệt vải, bán sành sứ, làm phụ bếp. + Vua chích chòe giải thích mọi việc cho công chúa khi cô làm phụ bếp cho đám cưới của vua. + Công chúa khóc hối lỗi và hai người làm đám cưới với nhau.
Bố cục	Câu chuyện chia làm 3 phần + Phần 1: Từ đầu đến “có tên là Vua chích chòe”: giới thiệu nhân vật và tính huống truyện + Phần 2: Tiếp đến “nhưng nàng sợ hãi giật tay lại”: các thử thách của nhân vật + Phần 3 (Còn lại): Kết thúc có hậu
Nghệ thuật	- Truyện cổ tích cùng những chi tiết hoang đường, kì ảo và biện pháp điệp cấu trúc.

	- Mô típ của truyện cổ tích: mở đầu, kết thúc...
Ý nghĩa	- Truyện khuyên con người không nên kiêu ngạo, ngông cuồng thích nhạo báng người khác. - Thể hiện sự bao dung, tình yêu thương của nhân dân với những người biết quay đầu, hoàn lương

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÂN TÍCH VĂN BẢN

1. Dàn ý

1.1. Nêu vấn đề:

- Giới thiệu về thể loại cô tích và tập truyện cổ Gờ- rim.
- Giới thiệu khái quát về truyện “Vua chích chòe”: chủ đề, kết cấu, ý nghĩa của câu chuyện.

1.2. Giải quyết vấn đề:

a. Nhân vật công chúa

a1. Đặc điểm tính cách của công chúa

- Tình huống truyện: Trong bữa tiệc kén chọn phò mã, công chúa đã giễu cợt, nhạo báng và chê bai tất cả mọi người, chẳng tha một ai.

+ Người thì nàng cho là quá mập, đặt tên là “thùng tô-nô”

+ Người mảnh khảnh thì nàng nói “mảnh khảnh thế thì gió thổi bay”.

+ Người lùn thì nàng chê “lùn lại mập thì vụng về lắm”.

+ Người xanh xao bị nàng đặt tên là “nhọt nhạt như chết đuối”.

+ Người mặt đỏ như gấc, nàng gọi Xung đồng đỏ.

+ Người đứng dáng hơi cong, nàng chê “cây non sầy lò cong cớn”.

+ Người có cái cằm hơi cong chẳng khác gì chim chích chòe, nàng khiến người đó bị gọi là Vua chích chòe.

- Đặc điểm nhân vật công chúa:

+ kiêu ngạo, chảnh chọe, hay trêu ghẹo và coi thường người khác.

+ có vẻ tình nghịch, láu lỉnh của một người quen được nuông chiều.

a2. Sự trừng phạt và những thử thách đối với công chúa

* **Sự trừng phạt:** Nhà vua nổi cơn thịnh nộ và ban truyền sẽ gả công chúa cho người ăn mày đầu tiên đi qua hoàng cung.

- Đây là một hình phạt rất nặng nề dành cho một cô công chúa, bởi vì ngay sau khi được gả đi, theo lệ, công chúa phải theo chồng ra khỏi cung.

* **Thử thách công chúa phải trải qua:** Người hát rong đã yêu cầu công chúa:

+ Trở thành thường dân ra khỏi cung.

+ Sống trong một căn lều nhỏ không có người hầu hạ.

+ Dậy sớm nhóm bếp, nấu ăn, đan sọt, dệt sợi, bán sành sứ, phụ bếp

* Ý nghĩa của sự trừng phạt và những thử thách:

- + trừng phạt tính kiêu căng, ngông cuồng
- + thể hiện tình yêu,
- + giúp công chúa nhận ra những điều sai trái của mình mà biết sửa sai.
- + mô típ quen thuộc trong truyện cổ tích

b. Nhân vật Vua chích chòe:

- Trong câu chuyện này, nhân vật Vua chích chòe đã đóng giả là người hát rong, với mục đích chính là đưa ra các thử thách cho nàng công chúa, dạy cho nàng một bài học và uốn nắn tính kiêu ngạo của nàng.

- Vì là nhân vật chức năng nên chỉ khi hoàn thành nhiệm vụ, nhân vật mới cởi bỏ lột hóa trang và trở lại với thân phận thật của mình.

Đây là mô típ nhân vật hấp dẫn trong truyện cổ tích: *người đóng vai, người giả mạo...*

c. Kết thúc và bài học rút ra

c1. Kết thúc: Công chúa nhận ra sai lầm của mình và biết sửa lỗi và kết hôn với vua chích chòe -> Kết thúc có hậu

- Câu “tôi tin rằng, tôi và các bạn đều có mặt trong buổi lễ cưới.”-> lời nói bông đùa, cho thấy đây chỉ là một câu chuyện hư cấu.

=> Công thức kết truyện quen thuộc trong truyện cổ tích nước ngoài.

c.2. Bài học rút ra:

- Mỗi người sinh ra đều là một cá thể riêng, bình đẳng, độc lập, có những đặc điểm riêng của mình.

- Không ai có quyền coi thường, nhạo báng đặc điểm riêng đó.

- Nếu chỉ chăm chăm vào chê bai người khác, sẽ có ngày bị gặp quả báo.

- Bài học về bao dung, tình yêu thương đối với những người biết sửa đổi, biết trân trọng người khác và biết trân trọng bản thân mình.

1.3. Đánh giá khái quát

a. Nghệ thuật:

- Truyện cổ tích cùng những chi tiết hoang đường, kì ảo và biện pháp điệp cấu trúc.
- Mô típ của truyện cổ tích: mở đầu, kết thúc...

b. Nội dung, ý nghĩa:

- Truyện khuyên con người không nên kiêu ngạo, ngông cuồng thích nhạo báng người khác.
- Thể hiện sự bao dung, tình yêu thương của nhân dân với những người biết quay đầu, hoàn lương

II. THỰC HÀNH ĐOC- HIỂU VĂN BẢN

Đề bài 01:

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

“Nhà vua chỉ có một người con gái. Công chúa đẹp tuyệt trần, nhưng vì vậy công chúa kiêu ngạo và ngông cuồng, không một ai vừa lòng nàng cả. Nàng chối từ hết người này đến người khác, không những vậy lại còn chế giễu, nhạo báng họ. Có một lần, nhà vua cho mời các chàng trai ở khắp các nước xa gần tới mở tiệc linh đình để chọn phò mã. Khách đứng thành hàng theo ngôi thứ, đứng trên cùng là vua các nước rồi các công tước, các ông hoàng, các bá tước, các nam tước, cuối cùng là những người dòng dõi quý tộc. Công chúa được dẫn đi xem mặt. Chẳng ai được công chúa tha, người nào nàng cũng có cớ để giễu cợt. Người thì nàng cho là quá mập, nàng đặt tên là thùng tô nô, người quá mảnh khảnh thì nàng nói, mảnh khảnh thế thì gió thổi bay, người thứ ba thì lại lùn, nàng chê: Lùn lại mập thì vụng về lắm, người thứ tư mặt mày xanh xao, bị đặt tên Nhọt nhọt như chết đuối, người thứ năm mặt đỏ như gấc, nàng gọi Xung đồng đỏ, người thứ sáu đứng dáng hơi cong, nàng chê là cây non sầy lò cong cốn, nhìn ai nàng cũng tìm cách nhạo báng, nàng lấy làm khoái chí khi thấy một người có cằm hơi cong như mỏ chim chích chòe, nàng nói giỡn, chà, anh ta có cái cằm chẳng khác gì chim chích chòe có mỏ, từ đó trở đi ông vua tốt bụng ấy có tên là Vua chích chòe.

(Trích truyện cổ tích *Vua chích chòe*, [Truyện cổ tích](#) Tổng hợp)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn.

Câu 2. Trong bữa tiệc kén chọn phò mã, công chúa đã giễu cợt mọi người ra sao?

Câu 3. Từ thái độ của công chúa, em nhận ra đặc điểm gì của nhân vật này?

Câu 4. Trước điểm đặc biệt về hình thức của người khác, theo em chúng ta nên có thái độ và cư xử như thế nào? Tại sao vậy?

Gợi ý trả lời:

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn: tự sự

Câu 2. Trong bữa tiệc kén chọn phò mã, công chúa đã giễu cợt, nhạo báng và chê bai tất cả mọi người, chẳng tha một ai.

+ Người thì nàng cho là quá mập, đặt tên là “thùng tô-nô”

+ Người mảnh khảnh thì nàng nói “mảnh khảnh thế thì gió thổi bay”.

+ Người lùn thì nàng chê “lùn lại mập thì vụng về lắm”.

+ Người xanh xao bị nàng đặt tên là “nhọt nhọt như chết đuối”.

+ Người mặt đỏ như gấc, nàng gọi Xung đồng đỏ.

+ Người đứng dáng hơi cong, nàng chê "cây non sầy lò cong cốn".

+ Người có cái cằm hơi cong chẳng khác gì chim chích chòe, nàng khiến người đó bị gọi là Vua chích chòe.

Câu 3. Điều này cho thấy nàng công chúa này là một người kiêu ngạo, chảnh chọe, hay trêu ghẹo và coi thường người khác. Công chúa cũng có vẻ tinh nghịch, láu lỉnh của một người quen được nuông chiều.

Câu 4. Trước điểm đặc biệt về hình thức của người khác, theo em chúng ta nên có thái độ, cư xử: nhã nhặn, lịch sự, tôn trọng với người đó. Tuyệt đối không được chê bai, nhạo báng hình thức của người khác. Vì đó là hành vi xấu xí, gây tổn thương cho người khác.

Đề số 2: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

MUỐI TO, MUỐI BÉ

Hạt muối Bé nói với hạt muối To:

- *Em đến chia tay chị này, em sắp được hòa trong đại dương.*

Muối To trở mắt:

- *Em dại quá, sao lại để đánh mất mình như thế? Em muốn thì cứ làm, chị không điên!*

Muối To thu mình co quắp lại, nhất định không để biển hòa tan. Muối To lên bờ, sống trong vương muối. Nó vẫn ngạo nghễ, to cứng và nhìn chúng bạn bé tí ti đầy khinh khinh. Thu hoạch, người ta gạt nó ra ngoài, xếp vào loại phế phẩm, còn những hạt muối tinh trắng kia được đóng vào bao sạch đẹp...

Sau một thời gian lẫn lóc hết xó chợ này đến xó chợ khác, cuối cùng người ta cho muối To vào nồi cám heo. Tụi nhục ê chề, nó thu mình co cứng hơn mặc cho nước sôi trăm độ cũng không lấy được, dù là cái vảy da của nó. Khi rửa máng heo, người ta phát hiện nó, và chẳng cần nghĩ suy, ném nó ra đường. Người người qua lại đạp lên nó. Trời đổ mưa, muối Bé, bây giờ là hạt mưa, gập lại muối To. Muối Bé hí hửng kể:

- *Tuyệt lắm chị ơi! Khi em hòa tan trong nước biển, em được bay lên trời, sau đó em thành mưa tưới mát cho Trái Đất thêm xanh tươi. Thôi chào chị, em còn đi chu du nhiều nơi trên Trái Đất trước khi về biển, chuẩn bị một hành trình tuyệt vời khác...*

Nhìn muối Bé hòa mình với dòng chảy, xa dần, xa dần... bỗng dưng muối To thêm khát cuộc sống như muối Bé, muốn hòa tan, hòa tan...

(Theo Truyện cổ tích chọn lọc)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên.

Câu 2. Trước việc hòa tan vào đại dương, tại sao muối To cho đó là “dại” còn muối Bé lại thấy là “tuyệt lắm”?

Câu 3. Khi vào mùa thu hoạch, số phận của muối To như thế nào?

Câu 5. Nêu ý nghĩa biểu tượng của hạt muối trong câu chuyện trên? (Chia sẻ bằng đoạn văn khoảng 5- 7 dòng)

GỢI Ý ĐÁP ÁN

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính: Tự sự

Câu 2: - Muối To cho rằng việc hòa tan vào đại dương là “dại” vì sẽ đánh mất mình, sẽ bị biến mất, không còn giữ được những cái của riêng mình nữa.

- Muối Bé cho là “tuyệt lắm” vì khi hòa vào biển, nó được hóa thân, được cống hiến sức mình cho trái Đất...

Câu 3: Vào mùa thu hoạch, muối To bị gạt ra ngoài, bị xếp vào loại phế phẩm.

Câu 4: Ý nghĩa biểu tượng của mỗi hình ảnh:

- Muối To: Hình ảnh của con người sống ích kỉ, chỉ khư khư giữ lấy giá trị riêng của mình.

Đề số 03: Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi

“Thuở xa xưa có một vị sa hoàng thường xuyên đi công cán xa. Sa hậu thường ngóng đợi, rồi ước sinh hạ được tiểu công chúa đẹp tuyệt trần. Khi điều ước ấy thành sự thực thì sa hoàng cũng về, nhưng vừa vượt cạn xong thì sa hậu cũng kiệt sức mà lìa đời.

Qua năm sau, sa hoàng tục huyền với một đức bà thông minh sắc sảo. Bà ta có một chiếc gương biết rõ truyện xưa nay nên thường hỏi nó rằng ai người đẹp nhất trần. Gương hay đem những lời nịnh mà ru vỗ bà hoàng.

Tới năm công chúa đến tuổi cập kê, sa hoàng chuẩn bị cử hành hôn lễ nàng với hoàng tử lân bang Yelisey. Bấy giờ gương đã thốt ra rằng, nhan sắc bà hoàng dù đẹp mà còn kém xa công chúa. Bà liền sai con hầu Chernavka dụ công chúa vào rừng rồi trói lại cho sói xơi tái.

Con hầu hăm hở ra đi, nhưng khi nom công chúa đáng thương quá, bèn dặn nàng chạy đi thật xa, rồi ả về lâu đài bẩm rằng công chúa đã bị sói vồ. Sa hoàng biết truyện thì rất đau lòng, còn hoàng tử Yelisey bèn ruổi ngựa phiêu lưu khắp thế gian với đức tin rằng công chúa chưa chết.

Phần công chúa ra khỏi rừng rậm thì thấy một căn nhà gỗ rất rộng, bèn vào đấy định nghỉ tạm. Thế rồi sấm tối, trong lúc nàng thiêm thiếp trên giường, bỗng có bảy người lực lưỡng vào nhà và cho hay là chủ nhân đích thực.

Từ đó công chúa được bảy tráng sĩ mời ở lại phụ họ dọn dẹp, nấu ăn mỗi ngày. Cho tới một hôm, bảy anh em đồng thanh hỏi nàng có ưng ai trong họ thì gả nghĩa làm chồng. Nàng chỉ buồn bã đáp rằng đã có vị hôn phu và khước từ.

Thời gian lâu sau, bà hoàng lại hỏi gương, được biết rằng công chúa vẫn bình an, bèn khảo con hầu Chernavka, ả phải khai rằng đã để công chúa đi. Bà liền bắt con hầu cải trang làm người bán rong đi tìm công chúa.

Con hầu Chernavka dò la rồi cũng biết chỗ ở mới của công chúa, bèn xách một giỏ táo chín mọng tới gõ cửa. ả mời gọi công chúa và biếu nàng trái chín mọng nhất. Công chúa vừa cắn một miếng đã lịm đi.

Đến sấm tối, bảy tráng sĩ về thì hay có sự, bèn đặt công chúa trong cỗ áo quan bằng pha lê rồi rước lên đỉnh núi, những mong cả thế gian phải thán phục nhan sắc nàng công chúa chết.

Hoàng tử Yelisey chu du thăm thoát đã lâu lắm, chàng đi hỏi thần ánh dương, thần ánh nguyệt, và thần gió, nhưng không ai biết công chúa ở đâu. Còn bà hoàng cả mừng vì gương cho hay rằng công chúa đã không còn nữa.

Cho tới khi đi ngang qua hẻm núi, Yelisey mới hay các tráng sĩ đang hành lễ truy điệu công chúa, bèn khẩn nài họ rước về hoàng cung. Nhưng khi đang đi thì họ vấp bờ đá suýt ngã, miếng táo từ miệng công chúa văng ra khiến nàng tỉnh dậy. Yelisey bèn đưa công chúa về lâu đài.

Bấy giờ bà hoàng lại hỏi gương, thì nó đáp rằng công chúa chưa chết và còn đẹp hơn xưa, bà nổi cơn thịnh nộ đập tan chiếc gương. Trong hôn lễ công chúa với hoàng tử Yelisey, bà hoàng bỗng nổi cơn ghen tương mà chết điếng.

(Dẫn theo truyện “Nàng công chúa và bảy chàng hiệp sĩ”, Puskin kể)

Câu 1: Xác định ngôi kể và thể loại của văn bản trên.

Câu 2: Chỉ ra và nêu tác dụng của chi tiết kì ảo trong văn bản trên.

Câu 3: Qua văn bản, em có nhận xét gì về tính cách của mẹ hoàng hậu – mẹ kế của nàng công chúa.

Câu 4: Câu chuyện trên của Puskin được viết dựa vào truyện “Nàng Bạch Tuyết” do anh em Grimm sưu tầm. Em hãy rút ra thông điệp có ý nghĩa nhất từ những câu chuyện này.

Gợi ý trả lời

Câu 1:

- Ngôi kể thứ 3
- Thể loại: truyện cổ tích

Câu 2:

- Chi tiết kì ảo: chi tiết chiếc gương thần biết nói
- Tác dụng:
 - + Chiếc gương thần chính là hình chiếu soi chiếu tâm địa độc ác, sự đố kị của mẹ hoàng hậu – mẹ kế của nàng công chúa.
 - + giúp cho mạch truyện phát triển, câu chuyện thêm lôi cuốn, hấp dẫn người đọc.

Câu 3:

Tính cách của mẹ hoàng hậu – mẹ kế của nàng công chúa: không chỉ luôn đố kị với nhan sắc của nàng công chúa, mẹ ta còn độc ác, luôn tìm mọi cách để giết công chúa để mẹ ta trở thành người đẹp nhất thế gian. Chính sự đố kị đã biến mẹ ta trở thành mẹ dì ghẻ độc ác.

Câu 4:

Các câu chuyện đều gửi gắm thông điệp: ở hiền gặp lành, ác giả ác báo. Nếu giữ tính đố kị thì sẽ làm hại đến chính bản thân mình.

Đề số 04: Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi (Dành cho HS giỏi)

“Tại một vùng nông thôn nước Mỹ, có hai anh em nhà kia vì quá đói kém, bần cùng đã rủ nhau đi ăn cắp củu của nông dân trong vùng. Không may hai anh em bị bắt. Dân trong làng đưa ra một hình phạt là khắc lên trán tội nhân hai mẫu tự “ST”, có nghĩa là quân trộm cắp (viết tắt từ chữ “stealer”).

Không chịu nổi sự nhục nhã này, người anh đã trốn sang một vùng khác sinh sống. Thế nhưng anh chẳng bao giờ quên được nỗi nhục nhã mỗi khi ai đó hỏi anh về ý nghĩa hai chữ “ST” đáng nguyền rủa này.

Còn người em tự nói với bản thân mình: “Tôi không thể từ bỏ sự tin tưởng của những người xung quanh và của chính tôi”. Thế là anh tiếp tục ở lại xứ sở của mình. Bằng sự nỗ lực, anh đã xây dựng cho mình một sự nghiệp cũng như tiếng thơm là một người nhân hậu. Anh sẵn sàng giúp đỡ người khác với tất cả những gì mình có thể.

Ngày kia, có một người khách đến làng vì tò mò đã hỏi một cụ già trong làng về ý nghĩa hai mẫu tự trên trán người em. Cụ già suy nghĩ một hồi rồi trả lời: “Tôi không biết rõ lai lịch của

hai chữ viết tắt ấy, nhưng cứ nhìn vào cuộc sống của anh ta, tôi đoán hai chữ đó có nghĩa là người thánh thiện”(viết tắt từ chữ “saint”)

(Dẫn theo nguồn Internet)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản trên?

Câu 2: Hai anh em đã xử lý như thế nào trước lỗi lầm của mình?

Câu 3: Chỉ ra công dụng của dấu ngoặc kép được sử dụng trong câu văn sau :

Còn người em, anh tự nói với bản thân mình: “Tôi không thể từ bỏ sự tin tưởng của những người xung quanh và của chính tôi”.

Câu 4: Nếu một ngày em bị rơi vào tình huống mắc sai lầm, em sẽ chọn cách xử lý như thế nào? Vì sao?

Gợi ý trả lời

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản trên: Tự sự

Câu 2: Hai anh em đã có cách xử lý khác nhau trước lỗi lầm của mình:

- Người anh: Không quên lỗi lầm của mình, anh đã tìm cách chạy trốn và luôn luôn cảm thấy nhục nhã.
- Người em: đã sửa lỗi lầm của mình và cố gắng trở thành người tốt

Câu 3: Công dụng của dấu ngoặc kép được sử dụng trong câu trên là để đánh dấu phần dẫn lời trực tiếp của người em (ý nghĩ của người em)

Câu 4: Câu 4: Nếu một ngày em bị rơi vào tình huống mắc sai lầm, em sẽ chọn cách xử lý :
Dũng cảm đối diện với sai lầm của mình, nhận lỗi và cố gắng sửa chữa để trở thành người tốt.
Vì:

- Theo em chỉ có cách đó mỗi người mới có thể hạn chế sai lầm, sống lạc quan, bỏ đi mặc cảm tội lỗi,
- vươn lên làm việc tốt cho mình và mọi người;
- điều đó sẽ giúp lấy lại lòng tin của mọi người với em.

Ôn tập thực hành đọc:

Sọ Dừa

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ TRUYỆN CỔ TÍCH “SỌ DỪA”

Thể loại	Truyện cổ tích
-----------------	----------------

	- PTBĐ chính: Tự sự. - Ngôi kể: thứ ba
Cốt truyện:	- Nhân vật chính: Sọ Dừa - Sự việc chính: (1) Sự ra đời kì lạ của Sọ Dừa (2) Sọ Dừa đi ở cho nhà phú ông (3) Sọ Dừa kết hôn cùng con gái út nhà phú ông. (4) Sọ Dừa đổ trượng nguyên và phải đi sứ. (5) Vợ Sọ Dừa sau khi bị hãm hại đã gặp lại chồng. (6) Hai cô chị bỏ đi biệt xứ, vợ chồng Sọ Dừa sống hạnh phúc.
Bố cục	Văn bản chia làm 3 phần - Đoạn 1 (Từ đầu ... đặt tên cho nó là Sọ Dừa): Sự ra đời của Sọ Dừa. - Đoạn 2 (tiếp ... phòng khi dùng đến): Sọ Dừa cưới cô út, trở về hình dáng tuấn tú và thi đỗ trượng nguyên. - Đoạn 3 (còn lại): Biến cố bị hãm hại và sự đoàn tụ vợ chồng.
Nghệ thuật	- Cốt truyện ly kỳ, hấp dẫn. - Các chi tiết tưởng tượng kỳ ảo thú vị, bất ngờ. - Xây dựng nhân vật có đặc điểm đặc biệt.
Ý nghĩa	Sọ Dừa là truyện cổ tích về người mang lỗi vật, kiểu nhân vật khá phổ biến trong truyện cổ tích Việt Nam và thế giới. - Truyện Sọ Dừa thể hiện ước mơ của nhân dân về công bằng xã hội: Những người thiệt thòi, bất hạnh, tốt bụng sẽ được hưởng hạnh phúc; những kẻ ác, tham lam sẽ bị trừng trị. - Nêu bài học về cách nhìn nhận, đánh giá con người (Không nên chỉ nhìn vẻ bề ngoài, cần tìm hiểu, coi trọng phẩm chất bên trong của họ).

II. LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU

Đề bài 01:

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:

“Chẳng bao lâu, người chồng mất. Bà sinh một đứa bé không chân không tay, tròn như một quả dưa. Bà buồn lắm, toan vứt đi thì đứa bé bảo.

– Mẹ ơi! Con là người đấy! Mẹ đừng vứt con mà tội nghiệp.

Nghĩ lại, thấy thương con, bà đành để lại nuôi và đặt tên cho nó là Sọ Dừa.

Lớn lên, Sọ Dừa vẫn không khác lúc nhỏ, cứ lẩn lôn lốc trong nhà, chẳng làm được việc gì. Một hôm, bà mẹ than phiền:

- Con nhà người ta bảy, tám tuổi đã đi ở chăn bò. Còn mày thì chẳng được tích sự gì.

Sọ Dừa nói:

- Gì chứ chăn bò thì con cũng chăn được. Mẹ cứ nói với phú ông cho con đến ở chăn bò.

Nghe con giục, bà mẹ đến hỏi phú ông. Phú ông ngần ngại. Cả đàn bò giao cho thằng bé không ra người, không ra ngợm ấy, chăn dắt làm sao? Nhưng mà nuôi nó thì được cái ít tốn cơm, công sá chẳng là bao, hơn nuôi đứa khác nhiều. Thôi cứ thử xem!

Thế là Sọ Dừa đến ở nhà phú ông. Cậu chăn bò rất giỏi. Hằng ngày, Sọ Dừa lẩn sau đàn bò ra đồng, tối đến lại lẩn sau đàn bò về chuồng. Ngày nắng cũng như ngày mưa, bò con nào con nấy bụng no căng. Phú ông mừng lắm.”

(Theo Nguyễn Khắc Phi)

Câu 1. (0.5 điểm). Nhân vật Sọ Dừa thuộc kiểu nhân vật nào của truyện cổ tích? Kể thêm tên một số truyện cổ tích có cùng kiểu nhân vật đó.

Câu 2. (0.75 điểm). Nhận xét về ngoại hình và phẩm chất của Sọ Dừa qua đoạn trích.

Câu 3. (1.0 điểm). Chỉ ra và nêu vai trò của yếu tố kì ảo trong đoạn trích trên.

Câu 4. (0.75 điểm). Qua đoạn trích trên, em rút ra bài học gì về cách nhìn nhận, đánh giá con người trong cuộc sống?

Gợi ý làm bài

Câu 1:

- Sọ Dừa thuộc kiểu nhân vật bất hạnh
- Một số truyện cổ tích cùng kiểu nhân vật bất hạnh (người mồ côi, người mang lốt vật,...) với truyện *Thạch Sanh*:

+ *Tấm Cám*

+ *Cây tre trăm đốt*

+ *Cây khế*

+ *Lấy vợ Cóc*

+ Lấy chồng Dê

Câu 2:

- Ngoại hình: xấu xí, dị biệt (bé không chân không tay, tròn như một quả dưa)
 - Phẩm chất:
 - + Tự tin xin mẹ được ở chăn bò cho phú ông.
 - + Chàng chăn bò rất giỏi: ngày nắng cũng như ngày mưa, bò con nào con nấy bụng no căng.
- Sọ Dừa chăm chỉ, chịu khó, không sợ gian khổ, biết giúp đỡ mẹ; tự tin vào bản thân; thông minh và tài giỏi.

Câu 3:

*Các chi tiết kì ảo trong đoạn trích:

- + Sinh ra Sọ Dừa không có tay chân, tròn như quả dưa.
- + Chàng đi chăn bò cho phú ông, không có chân tay nhưng chăn bò rất giỏi.

*Vai trò của các yếu tố kì ảo:

- + Làm cho cốt truyện hay hơn, ly kỳ, hấp dẫn hơn.
- + Thể hiện ước mơ của nhân dân: người bất hạnh được bù đắp, có được khả năng kỳ diệu....

Câu 4: HS nêu quan điểm của bản thân. Có thể nêu:

- Không nên nhìn nhận, đánh giá con người chỉ qua vẻ bề ngoài mà cần coi trọng phẩm chất, tính cách, vẻ đẹp bên trong tâm hồn của họ.
- Không nên đánh giá con người qua định kiến hẹp hòi mà phủ nhận toàn bộ năng lực của họ.
- Cần tạo cơ hội để ta có thời gian tiếp xúc lâu để hiểu nhau hơn.

...

Đề bài 02:

Đọc kĩ đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“Từ ngày cô em út lấy được chồng trạng nguyên, hai cô chị càng sinh lòng ghen ghét, định tâm hại em để thay em làm bà trạng. Nhân quan trạng đi sứ vắng, hai cô chị sang chơi, rủ em chèo thuyền ra biển, rồi đẩy em xuống nước. Một con cá kình nuốt chửng cô vào bụng. Sẵn có con dao, cô em đâm chết cá, xác cá nổi lềnh bềnh trên mặt biển, rồi dạt vào một hòn đảo. Cô lại lấy dao khoét bụng cá chui ra, lấy hai hòn đá cọ mạnh vào nhau, bật lửa lên, rồi xéo thịt cá nướng ăn, sống qua ngày, chờ có thuyền qua thì gọi vào cứu. Hai quả trứng cũng nở thành một đôi gà đẹp, làm bạn với cô giữa cảnh đảo hoang vắng.

Một hôm, có thuyền cầm cờ đuôi nheo lướt qua đảo. Con gà trống nhìn thấy, gáy to ba lần:

Ồ...ó...o

Phải thuyền quan trạng rước cô tôi về

Quan trọng cho thuyền vào xem. Vợ chồng gặp nhau, mừng mừng tủi tủi. Về nhà, quan trọng mở tiệc mừng, mời bà con đến chia vui, nhưng lại giấu vợ trong buồng không cho ra mắt. Hai cô chị không hay biết gì hết, khắp khởi mừng thăm, chắc mẫm chuyển này được thay em làm bà trạng. Hai cô chị thay nhau kể chuyện cô em rủi ro rồi khóc nước nỡ ra chiều thương tiếc lắm. Quan trạng không nói gì. Tiệc xong, quan trạng cho gọi vợ ra. Hai cô chị xấu hổ quá, lên ra về lúc nào không ai hay rồi bỏ đi biệt xứ.”

(Theo Nguyễn Khắc Phi)

Câu 1: Chỉ ra chi tiết kì ảo trong đoạn trích.

Câu 2: Tìm và nêu tác dụng của trạng ngữ trong câu dưới đây:

“Từ ngày cô em út lấy được chồng trạng nguyên, hai cô chị càng sinh lòng ghen ghét, định tâm hại em để thay em làm bà trạng.”

Câu 3a. Cách ứng xử của Sọ Dừa từ khi đưa vợ về nhà trong đoạn trích trên cho thấy phẩm chất gì của chàng?

Câu 3b: Kết thúc của truyện “Sọ Dừa” có ý nghĩa gì ?

(GV chọn một trong hai câu 3a hoặc 3b)

Câu 4a. Theo em, lòng đố kị gây ra những hậu quả gì?

Câu 4b. Sọ Dừa đề cao giá trị chân chính của con người hay chỉ là sự thể hiện tình thương đối với con người bất hạnh? Vì sao?

(GV có thể chọn 1 trong hai câu 4a hoặc 4b).

Gợi ý làm bài

Câu 1: Chi tiết kì ảo:

- Vợ Sọ Dừa thoát khỏi bụng cá, sống sót trên đảo.
- Gà trống gáy thành tiếng người.

Câu 2:

- Trạng ngữ: *Từ ngày cô em út lấy được chồng trạng nguyên*
- Tác dụng: nhấn mạnh thời gian, tạo sự chú ý của người đọc vào thời điểm diễn ra sự việc: hai cô chị ghen ghét, bày mưu hại cô út để chiếm chồng em.

Câu 3a. Đoạn trích làm nổi bật khả năng, phẩm chất sau của Sọ Dừa:

- Lo lắng, thương yêu vợ và có trí tuệ sáng suốt khi dự đoán trước được sự việc vợ ở nhà sẽ bị hãm hại.
- Trí tuệ sáng suốt còn bộc lộ khi Sọ Dừa bố trí tiệc ăn mừng, cố ý để vợ trong buồng để hai cô chị tự mình thấy xấu hổ về hành động của mình.
- Sọ Dừa còn là người nhân đức và độ lượng: mặc dù biết rõ lòng dạ độc ác của hai người chị nhưng chàng không một lời trách cứ, chỉ lặng lẽ đưa vợ ra chào khiến hai người chị xấu hổ, nhục nhã mà âm thầm trốn đi biệt xứ.

→ Vẻ đẹp của Sọ Dừa chính là vẻ đẹp trí tuệ và tấm lòng nhân hậu, độ lượng của nhân dân.

Câu 3b: Kết thúc của câu chuyện này đã thể hiện mong ước của dân gian: “Ở hiền gặp lành, ác giả ác báo”: những con người nhỏ bé, thấp hèn, hình dạng xấu xí như Sọ Dừa hoặc con người tốt bụng, có lòng thương người như cô Út sẽ được hưởng hạnh phúc. Những kẻ xấu xa, có dã tâm độc ác như hai cô chị sẽ bị trừng phạt.

Câu 4a: HS nêu suy nghĩ của bản thân. Có thể nêu:

- Phá hoại các mối quan hệ của mình cũng như của người khác.
- Cuộc sống không thoải mái luôn nghĩ cách hãm hại người khác và cũng làm hại cả bản thân.
- Làm nảy sinh nhiều trạng thái tâm lý tiêu cực, khiến cho bản thân người có lòng đố kị luôn căng thẳng, bức bối, không thoải mái.
- ...

Câu 4b:

Truyện Sọ Dừa đề cao giá trị chân chính của con người chứ không chỉ là sự thể hiện tình thương đối với con người bất hạnh. Bởi vì truyện Sọ Dừa là câu chuyện thuộc kiểu người mang lốt vật, truyện luôn nhằm tập trung làm bật nổi phẩm chất ẩn bên trong hình hài dị dạng của nhân vật: nhân vật Sọ Dừa có sự đối lập giữa hình hài xấu xí bên ngoài với các phẩm chất cao quý bên trong. Sự đối lập giữa bề ngoài dị dạng và vẻ đẹp tài năng, phẩm chất cao quý thể hiện ước mơ của nhân dân về sự đổi đời (bù đắp) và đề cao, khẳng định giá trị chân chính của con người. Đó là giá trị tinh thần bên trong. Và khi đánh giá con người không chỉ nhìn ở góc độ bên ngoài mà phải nhìn ở phẩm chất bên trong mới thấy được vẻ đẹp thực sự.

NGHĨA CỦA TỪ, THÀNH NGỮ, PHÉP TU TỪ ĐIỆP NGỮ.

I. NGHĨA CỦA TỪ:

1. Các cách giải nghĩa của từ ngữ

* Để hiểu nghĩa của từ ngữ thông thường có thể dùng các cách sau:

- **Cách 1:** Tra từ điển.

- **Cách 2:** Dựa vào các yếu tố tạo nên từ ngữ đó để suy đoán nghĩa của nó.

Ví dụ: *gia tài*:

+ *gia* là nhà,

+ *tài* là của cải

→ **gia tài:** là của cải riêng của một người hay một gia đình.

* Để giải thích nghĩa của từ ngữ trong câu, đoạn văn, nên dựa vào các từ ngữ xung quanh

Ví dụ: “Hai bên đánh nhau **ròng rã** suốt mấy tháng trời, cuối cùng Sơn Tinh vẫn vững vàng mà sức Thủy Tinh thì đã kiệt.”

- Nghĩa của từ “ròng rã” có thể dựa vào các từ xung quanh như “suốt mấy tháng trời”, “cuối cùng” “đã kiệt” để suy ra nghĩa của từ ròng rã là liên tục, kéo dài, dai dẳng mãi rồi mới kết thúc.

2. Bài tập:

Câu 1/ tr 30:

a. Từ Hán Việt: mô hình cấu tạo: sơn + A (núi), thiên (trời, tự nhiên)+ A. Giải thích ngắn gọn nghĩa của các từ vừa tìm được.

Yếu tố Hán Việt A	Từ Hán Việt (gia + A)	Giải nghĩa từ
<i>tiên</i>	<i>gia tiên</i>	Tổ tiên của gia đình; những người thuộc thế hệ đầu, qua đời đã lâu của gia đình.
<i>truyền</i>	<i>gia truyền</i>	Được chuyển giao, được truyền lại qua các thế hệ trong gia đình.
<i>cảnh</i>	<i>gia cảnh</i>	Hoàn cảnh của gia đình.
<i>sản</i>	<i>gia sản</i>	Của cải, tài sản của gia đình.
<i>súc</i>	<i>gia súc</i>	Các loại thú nuôi như trâu, bò, dê, chó,... trong gia đình.

Bài 2/tr 30: Suy đoán nghĩa của từ ngữ dựa vào các từ ngữ xung quanh.

Đoạn trích	Từ ngữ	Nghĩa của từ ngữ
a	hiện nguyên hình	Trở về hình dạng vốn có
b	vu vạ	Đổ tội cho người khác (tội mà người đó không làm)

c	rộng lượng	Tấm lòng rộng rãi, dễ tha thứ, cảm thông với những tội lỗi, sai lầm, ... của người khác
d	bùn rùn	Không thể cử động được do gân cốt như rễ rời ra

Bài 3/tr 31:

Stt	Từ ngữ	Nghĩa của từ
a	- <i>khỏe như voi</i> : - <i>lân la</i> : - <i>gạ</i> :	- rất khỏe, khỏe khác thường. - từ từ đến gần, tiếp cận ai đó. - chào mời, dụ dỗ làm việc gì đó
b	<i>Hí hửng</i> :	vui mừng thái quá
c	<i>Khôi ngô tuấn tú</i> :	diện mạo đẹp đẽ, sáng láng
d	- <i>bất hạnh</i> : - <i>buồn rười rượi</i> :	- không may, gặp phải những rủi ro khiến phải đau khổ. - rất buồn, buồn lặng lẽ

Bài tập 1/tr41: Giải thích nghĩa của các từ in đậm sau:

Câu	Từ ngữ	Ý nghĩa
a	(xanh) mơn mớn	xanh non và tươi tốt.
	lúc lịu	(trạng thái) nhiều quả trên khắp các cành
b	ròng rã	(thời gian) kéo dài liên tục
	vội hăn	Giảm đi (bớt đi) đáng kể

Bài tập 2/tr41:

a. - Tìm **động từ, cụm động từ** thể hiện sự khác biệt về hành động, ngôn ngữ ứng xử giữa vợ chồng người em và vợ chồng người anh trong cùng một hoàn cảnh:

(Bảng kết quả câu a)

- Chỉ ra sự khác biệt giữa các nhân vật: Vợ chồng người em **hiền lành, tự tốn, không tham lam** > < Vợ chồng người anh **tham lam, thô lỗ, mất hết lí trí**.
- Cách dùng từ ngữ thể hiện **cách đánh giá ngầm của người kể chuyện** về các nhân vật

II. THÀNH NGŨ:

1. Lí thuyết:

Khái niệm:

- Thành ngữ là loại cụm từ cố định biểu thị một ý nghĩa hoàn chỉnh.
- Nghĩa của thành ngữ có thể bắt nguồn trực tiếp từ nghĩa đen của các từ tạo nên nó nhưng thường thông qua một số phép chuyển nghĩa giữ ẩn dụ, so sánh.

2. Bài tập:

Bài 1. Giải thích nghĩa của các thành ngữ sau: *An cư lạc nghiệp; tóc bạc da mồi; gạn đục khơi trong; nghi gia nghi thất; bách chiến bách thắng; tứ cố vô thân; bán tín, bán nghi,...*

Trả lời:

- *An cư lạc nghiệp*: yên ổn chuyện nhà cửa, nơi ở thì mới có thể yên tâm làm việc tốt được
- *Tóc bạc da mồi*: chỉ người già, khi về già tóc bạc, da xuất hiện đốm đồi mồi
- *Gạn đục khơi trong*: cố gắng tìm lấy điều tốt đẹp giữa những thứ đen tối, xấu xa
- *Nghi gia nghi thất*: nên của nên nhà, ý nói chuyện xây dựng gia đình
- *Bách chiến bách thắng*: Trăm trận trăm thắng
- *Tứ cố vô thân*: Chỉ những ai không có cha mẹ, anh em, bà con, không có bạn bè thân thích, không nơi nương tựa, sống cô độc một mình đều được gọi là người tứ cố vô thân.

Bài 2: Tìm và giải nghĩa các thành ngữ có trong các câu sau :

a) *Rồi đến chiều, tự nhiên chị thấy máy mắt thì đậm lo thành ra ruột nóng như cào.*

(Nguyễn Công Hoan)

b) *Giấy tờ ai dám đưa cho ông cụ ruột để ngoài da ấy.*

(Báo Văn nghệ)

c) *Thật không muốn có chuyện lôi thôi trong nhà, đành nhiều khi phải nhắm mắt làm ngơ.*

(Chu Văn)

Gợi ý trả lời

- a) *Ruột nóng như cào* : rất sốt ruột, bồn chồn, không yên lòng.
- b) *Ruột để ngoài da* : (có tính) đễnh đoảng, hay quên, vô tâm không tính toán nhiều.
- c) *Nhắm mắt làm ngơ* : cố tình lảng tránh, làm ra vẻ không hay biết gì về sự việc đang diễn ra trước mắt để tránh liên lụy, phiền phức.

Bài 3:

Đặt với mỗi thành ngữ cho dưới đây 1 câu : *Mặt nặng mày nhẹ, Mặt hoa da phấn, Mặt sắt đen sì.*

Tìm thêm một số thành ngữ khác có từ mặt. Giải nghĩa các thành ngữ đã tìm được.

Gợi ý trả lời

*Đặt câu với thành ngữ:

– *Thà rằng có điều không vừa ý nhau cứ nói toạc móng heo còn dễ chịu hơn là để bụng rồi **mặt nặng mày nhẹ**.* (Trung Đông)

– *Rõ ràng người **mặt hoa da phấn**, ăn nói dịu dàng, đẹp như cái sao băng.* (Vũ Tú Nam)

– *Trông lên **mặt sắt đen sì** / Lập nghiêm trước đã ra uy nặng lời.* (Nguyễn Du)

* Có thể kể thêm một số thành ngữ khác có từ mặt như sau : *Mặt xanh nanh vàng, Mặt vàng như nghệ, Mặt ủ mày chau, Mặt trơ trán bóng, Mặt cắt không còn hột máu, Mặt đỏ như gà chọi, Mặt đỏ như gấc, Mặt đỏ tía tai, Mặt nạc đóm dày, Mặt nặng mày nhẹ, Mặt nặng như chì, Mặt nặng như đá đeo, Mặt người dạ thú, Mặt nhăn như bị, Mặt sửa gan lim...*

III. PHÉP TU TỪ ĐIỆP NGỮ

1. Lý thuyết:

a. Khái niệm: *Điệp ngữ* là biện pháp tu từ lặp lại một từ ngữ (đôi khi cả một câu)

b. Tác dụng: làm nổi bật ý muốn nhấn mạnh, tăng ự gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

Ví dụ: .

- *Quân sĩ mười tám nước ăn mãi, ăn mãi nhưng niêu cơm bé xíu cứ ăn hết lại đây.*

+ *Hiện tượng lặp đi lặp lại một số từ ngữ: ăn mãi, ăn mãi =>Biện pháp tu từ: điệp ngữ*

+ Tác dụng: Nhấn mạnh hành động “ăn”: *ăn mãi, ăn mãi* nghĩa là ăn rất lâu, và rất nhiều như thể không bao giờ dừng.

- *Chim bay mãi, bay mãi, qua bao nhiêu là miền, hết đồng ruộng đến rừng xanh, hết rừng xanh đến biển cả.*

+*Hiện tượng lặp đi lặp lại một số từ ngữ: bay mãi, bay mãi; hết... đến..., hết ...đến...=>Biện pháp tu từ: điệp ngữ*

+ Tác dụng: Nhấn mạnh hành động “bay”: “*bay mãi, bay mãi*” có nghĩa là bay rất xa, rất lâu; ý rất xa còn nhấn mạnh thêm cả điệp ngữ “*hết đồng ruộng đến rừng xanh, hết rừng xanh đến biển cả*” nghĩa là khoảng không gian cứ nối tiếp nhau tưởng như vô tận.

- *Lang quyết không chịu trở lại, cúi gục trên bờ, ôm mặt khóc. Chàng khóc mãi, khóc mãi, đến nỗi những con chim đi kiếm ăn khuya vẫn còn nghe tiếng nước nở*

+ *Điệp ngữ: Khóc mãi, khóc mãi.*

+ Tác dụng: Nhấn mạnh hành động “khóc”: *khóc mãi, khóc mãi* nghĩa là khóc rất lâu, và rất nhiều như thể không bao giờ dừng. Nhấn mạnh tâm trạng đau khổ, tủi thân tuyệt vọng của nhân vật.

2. Luyện tập: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

" Một hôm người dì ghẻ đưa cho hai chị em mỗi người một cái giỏ bảo ra đồng bắt con tôm cái tép. Mẹ ta hứa hẹn: "Hễ đứa nào bắt được đầy giỏ thì thưởng cho một cái yếm đỏ!"

Ra đồng, Tấm nhờ mò cua bắt ốc đã quen nên chỉ một buổi là được đầy giỏ vừa cá vừa tép. Còn Cám thì dùng đũa dạo hết ruộng họ sang ruộng kia, mãi đến chiều vẫn không được gì.

Thấy Tấm bắt được một giỏ đầy, Cám bảo chị:

- Chị Tấm ơi, chị Tấm! Đầu chị lấm, chị hụp cho sâu, kéo về dì mắng.

Tin là thật, Tấm bèn xuống ao lội ra chỗ sâu tắm rửa. Cám thừa dịp trút hết tép của Tấm vào giỏ của mình rồi ba chân bốn cẳng về trước. Lúc Tấm bước lên chỉ còn giỏ không, bèn ngồi xuống bưng mặt khóc hu hu."

(Trích truyện cổ tích Tấm Cám)

Câu 1: Tìm những từ ngữ miêu tả hành động của Tấm, Cám? Từ đó nhận xét về 2 nhân vật

Câu 2: Xác định thành ngữ dân gian trong văn bản?

Câu 3: Chi tiết cái yếm đỏ có ý nghĩa gì

Gợi ý trả lời:

Câu 1:

- Từ ngữ miêu tả hành động của Tấm
- + mò cua bắt ốc; bắt được một giỏ đầy
- +Tin là thật, bèn xuống ao lội ra chỗ sâu tắm rửa.

Tấm là một cô gái chăm chỉ, hiền lành

- Từ ngữ miêu tả hành động hành động của Cám
- +dạo hết ruộng họ sang ruộng kia, mãi đến chiều vẫn không được gì.
- + trút hết tép của Tấm vào giỏ của mình rồi ba chân bốn cẳng về trước.

Cám là người gian trá

Câu 2: các thành ngữ dân gian trong văn bản là:

- con tôm cái tép
- mò cua bắt ốc
- ba chân bốn cẳng

Câu 3:

Ý nghĩa chi tiết cái yếm đỏ:

Tấm bị Cám lừa và giành mất chiếc yếm đỏ. Chiếc yếm đỏ là ước mơ nhỏ bé đầu tiên trong cuộc đời

BUỔI 4

ÔN TẬP KĨ NĂNG VIẾT:

**Viết bài văn đóng vai nhân vật kể lại
một truyện cổ tích**

I. TÌM HIỂU CHUNG VỀ BÀI VĂN ĐÓNG VAI NHÂN VẬT KỂ LẠI MỘT TRUYỆN CỔ TÍCH:

1. Yêu cầu đối với một bài văn đóng vai nhân vật để kể lại một truyện cổ tích

- Được kể từ người kể chuyện ngôi thứ nhất. Người kể chuyện đóng vai một nhân vật trong truyện.
- Khi kể có tưởng tượng, sáng tạo thêm nhưng không thoát li truyện gốc; tránh làm thay đổi, biến dạng các yếu tố cơ bản của cốt truyện ở truyện gốc.
- Cần có sự sắp xếp hợp lý các chi tiết và bảo đảm có sự kết nối giữa các phần. Nên nhấn mạnh khai thác nhiều hơn các chi tiết tưởng tượng, hư cấu, kì ảo.
- Có thể bổ sung các yếu tố miêu tả, biểu cảm để tả người, tả vật hay thể hiện cảm xúc của nhân vật.

2. Nhận diện dạng đề:

Dạng đề cụ thể: là dạng đề nêu rõ đối tượng kể, yêu cầu kể ở từng đề bài

Ví dụ: *Hãy đóng vai nhân vật người anh để kể lại truyện Cây khế.*

Dạng đề mở: là dạng đề không cụ thể về đối tượng mà chỉ nêu yêu cầu kể ở đề bài, hoặc cụ thể về đối tượng nhưng mở về cách kể.

Ví dụ: *Thế giới cổ tích là một thế giới vô cùng hấp dẫn. Mỗi chuyện cổ tích đều đem đến cho ta những điều kì diệu. Hãy nhập vai một nhân vật trong truyện cổ tích mà em yêu thích và kể lại truyện đó.*

3. Đề bài viết sinh động có thể sưu tầm thêm tranh ảnh, đồ vật, video..

II. RÈN KĨ NĂNG VIẾT BÀI VĂN ĐÓNG VAI NHÂN VẬT KỂ LẠI MỘT TRUYỆN CỔ TÍCH:

1. Trước khi viết

a. Xác định đối tượng, yêu cầu kể:

- Đối tượng kể: là truyện cổ tích nào?
- Yêu cầu kể: nhập vai một nhân vật nào trong câu chuyện đó?

b. Chọn ngôi kể và đại từ tương ứng:

- Ngôi kể: Ngôi thứ nhất.

- Đại từ xưng hô: ta, tôi, mình, tớ, ... phù hợp với địa vị, giới tính... của nhân vật em đóng vai cũng như bối cảnh kể.

c. Chọn lời kể phù hợp:

- Đóng vai một nhân vật cụ thể: giới tính, tuổi tác, địa chỉ... của nhân vật để lựa chọn lời kể phù hợp.

- Tính chất lời kể: vui, buồn, thân mật, nghiêm trang... phải phù hợp với nội dung và bối cảnh kể.

d. Ghi những nội dung chính của câu chuyện

- Cần ghi nhớ và tôn trọng những chi tiết đã biết về nhân vật cũng như cốt truyện gốc.

- Dự kiến những yếu tố, chi tiết sẽ được sáng tạo thêm.

- Có thể lập một bản tóm tắt các sự kiện, tình tiết theo thứ tự trước sau để dễ dàng ghi nhớ và kể lại.

2. Tìm ý, lập dàn ý:

a. Tìm ý:

Bằng cách trả lời các câu hỏi:

- Tên truyện cổ tích được kể? Vì sao em lại chọn câu chuyện này để kể?

- Diễn biến sự việc: (SV khởi đầu, SV diễn biến, sv kết thúc ra sao? Em ấn tượng nhất với sự việc nào?)

- Ý nghĩa của câu chuyện là gì?

- Cảm nghĩ của em về câu chuyện đó

b. Lập dàn ý

* **Mở bài:** Đóng vai nhân vật để giới thiệu sơ lược về mình và câu chuyện định kể.

(Có thể hình dung, nhập vai từ hoàn cảnh, trải nghiệm của nhân vật để kể lại câu chuyện)

* **Thân bài:** Kể diễn biến câu chuyện:

- Xuất thân của các nhân vật.

- Hoàn cảnh diễn ra câu chuyện.

- Diễn biến chính:

+ SV1: + SV2: + SV3:

* **Kết bài:** Kết thúc câu chuyện và nêu bài học được rút ra từ câu chuyện hoặc thông điệp gửi gắm.

3. Viết bài.

- Tự chỉnh sửa bằng cách bổ sung những chỗ còn thiếu hoặc chưa đúng.

- Tự đánh giá và rút kinh nghiệm

Bảng kiểm tra bài văn

GV cung cấp công cụ rubric đánh giá kỹ năng viết:

Các phần kiểm tra	Yêu cầu	Gợi ý chỉnh sửa
Người kể	- Là ai? (được tham gia trực tiếp hay	- Nếu chưa đúng yêu cầu thì chỉnh

chuyện là nhân vật nào	chứng kiến) - Chọn ngôi kể phù hợp	lại.
Mở bài	Đóng vai nhân vật để giới thiệu sơ lược về mình và câu chuyện định kể.	- Nếu thiếu thì bổ sung
Thân bài	- Kể lại diễn biến sự việc + Các sự việc đã được sắp xếp theo một trình tự hợp lí chưa ? + Sự tưởng tượng sáng tạo nhưng không làm thoát ly câu chuyện, làm sai lệch so với bản gốc + Sự kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm để tả người, tả vật hay thể hiện cảm xúc của nhân vật. + Bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ, đánh giá, bình luận, liên tưởng của người kể chuyện.	- Kiểm tra lại từng ý, chưa chuẩn cần bổ sung, điều chỉnh.
Kết bài	- Cảm nghĩ, đánh giá, bộc lộ cảm xúc về sự kiện	- Nếu thiếu thì bổ sung
Cách thức trình bày	- Bố cục, chính tả, diễn đạt	- Nếu mắc lỗi thì sửa lại

III. BÀI THAM KHẢO

Đề bài 1:

*Tiến hành thảo luận nhóm nhỏ theo kỹ thuật Think- Piar- Share(10- 12 phút)

B1: Think (Nghĩ): HS suy nghĩ độc lập về vấn đề được nêu ra; tự hình thành nên ý tưởng của mình.

B2: Pair (Bắt cặp): HS được ghép cặp với nhau để thảo luận về những ý tưởng vừa có. GV có thể yêu cầu HS thảo luận theo cặp cùng bàn.

B3: Share (Chia sẻ): HS chia sẻ ý tưởng vừa thảo luận với nhóm lớn hơn hoặc chia sẻ trước lớp.



Đề bài 1: Hãy kể lại truyện Cây khế bằng lời của con chim Phượng Hoàng

1. Xác định yêu cầu của đề:

- Đối tượng kể: là truyện cổ tích Cây khế.
- Yêu cầu kể: nhập vai một nhân vật con chim Phượng Hoàng.
- Ngôi kể: Ngôi thứ nhất *ta*.
- Tính chất lời kể: vui, buồn, thân mật, ...phải phù hợp với nội dung và bối cảnh kể, suy nghĩa của con chim Đại Bàng.

2. Dàn ý tham khảo:

*** Mở bài:** Đóng vai nhân vật để giới thiệu sơ lược về mình và câu chuyện định kể.

VD: Ta vốn có cuộc sống bôn ba, nay đây, mai đó. Ta từng bay qua biết bao nhiêu nẻo đường, sứ sở, ta cũng chứng kiến bao câu chuyện, vui có, buồn có. Nhưng với ta, câu chuyện về cây khế gắn với hai anh em nhà nọ là khiến ta suy nghĩ nhiều nhất. Chắc các bạn biết ta là ai rồi chứ. Ta chính là chim Phượng Hoàng, loài chim được Ngọc Hoàng nuôi ở thiên đình.

*** Thân bài:** Kể lại diễn biến các sự việc chính của câu chuyện Cây khế:

- Ngày ấy, ở một làng nọ, có hai anh em nhà kia cha mẹ mất sớm, họ chăm chỉ làm lụng nên cũng tạm đủ ăn.

- Từ khi người anh có gia đình, vợ chồng người anh sinh ra lười biếng, bắt vợ chồng người em làm lụng vất vả. Thậm chí người anh còn kiếm hết gia tài, nhà cửa, ruộng vườn, chỉ chia cho người em một lúp lều và một cây khế ngọt.

- Vợ chồng người em ngày ngày chăm chỉ làm lụng, cày thuê, cuốc mướn, và chăm sóc cho cây khế ngày càng xanh tốt

- Cây khế ra quả sai trĩu cành, khế rất ngọt. Ta bay ngang qua, ngắm nhìn chùm khế lúc lỉu, nên đáp xuống ăn, ăn hết quả này đến quả khác. Người vợ không dám trách ta, mà khẽ than thở về gia cảnh của mình. Ta hứa hẹn, một ngày gần nhất sẽ trả vàng cho họ, dặn họ may túi ba gang.

- Đến ngày hẹn, ta trở người em ra đảo lấy vàng, người em chỉ dám nhặt một ít vàng,,,Rồi từ đó, cuộc sống của họ từ đấy giàu có. (Đánh giá về sự thật thà của người em)

- Người anh biết chuyện, muốn đổi cả gia tài để lấy cây khế và túp lều. người em đồng ý.

- Ta lại đến ăn khế. Mọi chuyện diễn ra như cũ, nhưng người anh may mắn một tay nải lớn. Khi cho anh ta đến đảo vàng, hẳn nhặt đầy tay nải chín gang, lại còn nhét cả ống quần, túi áo. (Tả ảnh người anh hăm hở nhặt vàng, nhét lấy nhét để vàng bằng mọi cách/ So sánh với người em)

- Do phải cồng trên lưng số vàng quá lớn, lại gặp cơn gió lớn, ta không chớ nổi, ta đã cánh ra, người anh và toàn bộ số vàng rơi xuống biển. Còn ta cố gắng bay về rừng.

*** Kết bài:** Niềm mong ước của người kể chuyện: không còn ai quá tham lam, ích kỉ, sẽ dẫn đến hậu quả nặng nề.

c. Bước 3: Viết bài : HS dựa vào dàn ý để viết.

Bài viết tham khảo:

Ta vốn có cuộc sống bôn ba, nay đây, mai đó. Ta từng bay qua biết bao nhiêu nẻo đường, xứ sở, và cũng chứng kiến bao câu chuyện, vui có, buồn có. Nhưng với ta, câu chuyện về cây khế gắn với hai anh em nhà nọ là kiến ta suy nghĩ nhiều nhất. Chắc các bạn biết ta là ai rồi chứ. Ta chính là chim Phượng Hoàng, loài chim được Ngọc Hoàng nuôi ở thiên đình.

Ngày xưa ngày xưa, có hai anh em nhà kia cha mẹ đều mất sớm. Người anh tham lam lười biếng. Người em lại hiền lành, chăm chỉ. Khi hai anh em lấy vợ chưa được bao lâu thì người anh chia gia tài. Vốn bản tính tham lam sẵn có lại cậy thế mình là anh cả hẳn chiếm hết tài sản cha mẹ để lại chỉ cho người em một mảnh vườn nhỏ và cây khế ngọt. Vợ chồng người anh sống sung sướng, an nhàn trên gia tài có sẵn còn người em thì phải đi cày thuê cuốc mướn

sống qua ngày. Tuy cuộc sống vất vả nhưng ngày nào người em cũng không quên tưới nước, chăm sóc cho cây khế.

Mùa khế năm ấy, cây khế trong vườn nhà người em ra hoa kết trái, cành nào cành ấy đều sai trĩu quả. Vợ chồng người em thầm nghĩ bán quả lấy tiền mua thóc gạo. Ta vốn rất thích ăn trái cây. Một hôm, tình cờ lại bay ngang qua khu vườn của người em, thấy những quả khế chín mọng hấp dẫn, ta vội sà xuống ăn hết trái này đến trái khác. Thấy ta ăn khế, người em ở đâu đi đến đứng ngược mắt nhìn ta, vợ chồng người em không đuổi tôi đi mà chỉ buồn rầu than thở với ta:

- Chim ơi! Gia tài nhà tôi chỉ có mỗi cây khế này thôi. Chim ăn hết rồi, tôi biết lấy gì để sống?

Ta vốn là loài chim biết trả ơn bèn đáp:

- Ăn một quả, trả một cục vàng, may túi ba gang, mang đi mà đựng.

Vợ chồng người em có vẻ bất ngờ vì ta biết nói tiếng người. Nhưng cũng theo lời đi may một cái túi ba gang. Mấy hôm sau, theo như lời hẹn, ta bay đến chỗ người em ra đảo lấy vàng. Người em thấy vàng chất đầy đảo nhưng không hề tỏ vẻ tham lam, chỉ lấy đủ một túi ba gang rồi nhờ ta chở về nhà. Từ đó, cuộc sống người em trở nên sung túc, giàu có. Vợ chồng người em còn đem tiền và gạo giúp đỡ mọi người trong vùng.

Chuyện đến tai người anh. Người em không giấu diếm kể hết sự việc. Lòng tham nổi lên, người anh bèn gạ đổi gia tài của mình để lấy cây khế. Vợ chồng người em đồng ý, thế là anh ta chuyển về chỗ người em ở. Mùa khế ra hoa kết trái năm sau ta lại đến ăn như lần trước.

Họ tru tréo lên, bảo ta ăn ăn ráo ăn tiệt thì họ trông vào gì. Ta vẫn đáp:

- Ăn một quả, trả một cục vàng. May túi ba gang, mang đi mà đựng.

Vợ chồng gã vui mừng khôn xiết, rồi lại may một cái túi to đến mười hai gang. Ta đưa người chồng đến đảo lấy vàng. Đến nơi, hấn hoa cả mắt, hì hục nhét vàng bạc châu báu chặt cứng cả cái túi mười hai gang và cố gắng nhét đầy mọi chỗ trên người mình. Lúc trở về, ị à ị ạch leo lên lại tụt xuống mãi hấn mới bò lên được lưng ta. Nhưng vì nặng quá, ta phải vỗ cánh đến mấy lần mới nhấc mình lên khỏi mặt đất được. Đường về nhà hấn phải bay qua biển rộng, phần vì chở quá nặng, phần vì có một luồng gió bất chợt thổi đến, ta không giữ được thăng bằng, đôi cánh ta nghiêng ngả, hấn và cả túi vàng rơi xuống biển sâu.

Câu chuyện qua đã lâu nhưng ta vẫn muốn nhắc nhở mỗi người không nên tham lam, ích kỉ và đừng bao giờ tệ bạc với người khác nhất là anh em của mình. Tham lam sẽ nhận lại hậu quả thích đáng.

d. Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa.

Đề bài 2: Kể lại câu chuyện “Vua chích chòe” bằng lời của nàng công chúa.

1. Xác định yêu cầu của đề:

- Đối tượng kể: là truyện cổ tích Vua chích chòe
- Yêu cầu kể: nhập vai nhân vật nàng công chúa
- Ngôi kể: Ngôi thứ nhất *ta*.
- Tính chất lời kể: vui, buồn, suy ngẫm, ...phải phù hợp với nội dung và bối cảnh kể, suy nghĩ của nàng công chúa đã trải qua thử thách và đang sống trong hạnh phúc.

2. Dàn ý tham khảo:

*** Mở bài:** Đóng vai nhân vật để giới thiệu sơ lược về mình và câu chuyện định kể.

Ta là công chúa trong câu chuyện Vua chích chòe, sau khi phải trải qua bao nhiêu khó khăn, ta đã có cuộc sống hạnh phúc. Có lúc ta không dám nhớ lại, tại sao trước đây ta lại có thể là kẻ kiêu căng, ngạo mạn, ngông cuồng. Câu chuyện qua đi làm ta ân hận mãi.

*** Thân bài:** Kể lại diễn biến sự việc chính của câu chuyện:

- Ta vốn là con gái của quốc vương, vua cha yêu thương, chiều chuộng ta vô cùng. Vua cha luôn tự hào có ta là con gái xinh đẹp tuyệt trần. Điều đó khiến ta vô cùng kiêu ngạo, chẳng coi ai ra gì (đến sau này ta mới nhận ra điều này).
- Cha mở buổi yến tiệc linh đình để tìm phò mã, để kén chồng cho ta. Ngày hôm đó, trong bữa tiệc đông đúc, có vô khối các chàng trai là các ông hoàng, bá tước đến dự tiệc, vua cha dẫn ta đi xem mặt. Nhưng gặp ai ta cũng tìm ra lí do để nhạo báng lại họ. Trong số đó, có một ông Vua chích chòe (vì ông ta có cái cằm cong như con chích chòe). Mỗi lúc chê bai được người khác ta lại cảm thấy tự mãn, coi mình là nhất.
- Lời chê bai của ta dành cho các hoàng tước, công tử trong bữa tiệc hôm ấy khiến vua cha giận lắm. Cha ta thề rằng sẽ gả ta cho gã hát rong đầu tiên nghèo khổ.
- Theo luật lệ, ta sẽ không được sống trong hoàng cung mà phải theo chồng đến một nơi xa lạ. Khi ấy ta phải đến một nơi rất xa, khi thì ta thấy một khu rừng đẹp, khi thì thấy một thảo nguyên xanh, một thành phố mi lệ. Ta hỏi chồng ta, tất cả đều là của Vua chích chòe. (Bộc lộ tâm trạng khi biết chuyện đó)
- Ta cùng chồng sống trong một túp lều rách nát, ta vốn được chiều chuộng nên đến nấu ăn cũng không biết làm. Nhưng dần dần ta đã trải qua nhiều việc: dọn nhà, làm bếp, đan sọt, dệt vải, bán sành sứ, làm phụ bếp trong cung vua.
- Vua tổ chức hôn lễ cho hoàng tử con trai đầu lòng, ta len vào để xem. Vị hoàng tử mà ta nhận ra ngay lại chính là Vua chích chòe. Chàng muốn nắm tay ta để nhảy, ta từ chối, rút tay lại

(Bộc lộ cảm xúc). Ta bỏ chạy khiến súp và bánh mì đổ xuống đất. Mọi người cười nhạo ta xấu hổ vô cùng.

-Cua chích chòe chính là chồng của ta- người hát rong. Hóa ra, chàng muốn dạy cho ta bài học về tính kiêu ngạo. Ta ân hận vô cùng. Chàng nắm tay ta âu yếm suốt cả bữa tiệc hôm ấy. Ta thật hạnh phúc vì lấy được chàng Vua chích chòe làm chồng

*** Kết bài:** Câu chuyện hạnh phúc của ta hi vọng sẽ giúp mọi người điều gì đó. Nhất là trong việc phán xét người khác, đừng bao giờ nhìn người khác bằng bề ngoài, đừng bao giờ coi thường ai cả. Hãy sống giản dị, yêu thương, vị tha.

Đề bài 3: Kể lại câu chuyện “Em bé thông minh” bằng lời của em bé khi đã trở thành trạng nguyên với một kết thúc mới

1. Xác định yêu cầu của đề:

- Đối tượng kể: là truyện cổ tích “Em bé thông minh”

- Yêu cầu kể: nhập vai nhân vật em bé thông minh khi đã trở thành trạng nguyên.

- Ngôi kể: Ngôi thứ nhất *tôi*.

- Tính chất lời kể: vui, suy ngẫm, ...phải phù hợp với nội dung và bối cảnh kể, suy nghĩ của một trạng nguyên.

2. Dàn ý tham khảo:

a. Mở bài: Giới thiệu câu chuyện kể và hoàn cảnh của câu chuyện.

Là một trạng nguyên trẻ tuổi nhất của đất nước, ta luôn tự hào mình về những kiến thức mình học được. Đó là kiến thức của nhân dân lao động. Bởi ta sinh ra là con của người nông dân nghèo, quanh năm gắn bó với việc đồng ruộng. Ta là ai các bạn biết rồi chứ. Ta chính là em bé thông minh ngày nào hay hát câu “Tang tình tang, tính tình tang đây”

b. Thân bài: kể lại diễn biến sự việc chính.

- Hồi bấy giờ, nhà vua muốn tìm người hiền tài nên đã cho một viên quan đi khắp nước để dò la. Viên quan ấy cũng là người thông tuệ khác thường, đi đến đâu, ông cũng ra những câu đố oái oăm, hóc búa để thử tài.

- Một hôm, cha ta đang đánh trâu cày còn ta đang đập đất, thì một viên quan ấy dừng ngựa gần chỗ cha con ta và ra câu hỏi rằng trâu mỗi ngày cày được mấy đường. Cha ta chưa biết trả lời thế nào, thì ta nghĩ ngay ra câu ứng phó. Ta lúc đó chỉ là cậu bé khoảng bảy, tám tuổi thôi, nhưng đã hỏi vặn lại quan rằng: “Nếu ông trả lời đúng ngựa của ông đi một ngày được mấy bước, tôi sẽ cho ông biết trâu của cha tôi cày một ngày được mấy đường”

- Ta thấy viên quan há hốc mồm sững sốt không biết trả lời tôi ra sao. (thêm cảm xúc của người kể trước sự việc)
- Nhà vua thử tài ta hết lần này đến lần khác. Mỗi lần mức độ khó khăn, hóc búa càng tăng lên. Đầu tiên là việc nhà vua ban cho làng ta ba thúng gạo nếp và ba con trâu đực, ra lệnh làm sao phải nuôi cho ba con trâu ấy đẻ thành chín con, hẹn năm sau phải đem nộp đủ, nếu không thì cả làng phải tội.
- Cả làng lo lắng. Biết chuyện, ta xin cha tôi thừa với dân làng giết thịt hai con trâu và đồ hai thúng gạo nếp để mọi người ăn một bữa cho sướng miệng. Còn một con trâu và một thúng gạo nếp bán đi lấy tiền làm lộ phí cho cha con ta tránh kinh lo liệu việc của làng.
- Đến kinh thành, ta lên vào hoàng cung, đứng trước sân rồng gào khóc. Vua ra hỏi han ta tâu với vua rằng: “mẹ con chết sớm mà cha con không chịu để em bé để chơi với con cho có bạn, cho nên con khóc. Dám mong đức vua phán bảo cha con cho con được nhờ”.
- Nghe tôi nói thế, vua và các triều thần đều bật cười. Vua lại phán: “Mày muốn có em thì phải kiếm vợ khác cho cha mày, chứ cha mày là giống đực, làm sao mà đẻ được!” Điều này cũng giống như việc vua ban trâu đực cũng không thể đẻ được. Vua mỉm cười và nói chuyện ban trâu cho làng chỉ là thử tài thôi, đó là lộc vua ban.
- Nhà vua lại tiếp tục thử tài bằng cách ra lệnh từ một con chim sẻ dọn thành ba mâm cỗ. Ta đưa ra cây kim nói rằng làm thành một con dao để ta sẻ thịt chim. Mọi người đều thán phục.
- Bấy giờ, nhiều nước láng giềng luôn đe dọa xâm lược nước ta, chúng cho người sang thử tài. Sứ thần đưa sang một cái vỏ ốc vặn rất dài, rỗng hai đầu, đổ làm sao xuyên một sợi chỉ mảnh xuyên qua đường ruột ốc. Các đại thần nước ta đều vô đầu suy nghĩ. Mọi người dùng nhiều cách nhưng vô hiệu. Ta nghĩ ra cách lấy con kiến càng buộc chỉ ngang lưng, dùng mỡ bôi một đầu để dụ kiến bò sang, quả đúng như vậy. Con kiến giúp ta xuyên sợi chỉ qua vỏ ốc trong sự ngỡ ngàng, thán phục của mọi người nhất là tên sứ giả.
- Ta được vua phong cho là trạng nguyên. Không những vậy, nhà vua còn xây cho cha con ta một dinh biệt thự ở một bên hoàng cung để ta ở, cho vua tiện hỏi han.

c. Kết bài: Kết thúc mới

Từ ngày đó đến giờ, ta luôn dồn hết tâm sức vào việc phục vụ đất nước. Ta giúp nhà vua đưa ra nhiều quy định, luật lệ tiến bộ để xây dựng đất nước ngày một hưng thịnh. Ta giúp vua quan tâm đến đời sống của nhân dân, giảm tô thuế, quan tâm đến chính sách khai hoang, mở đất cho dân thêm nhiều ruộng đất. Rồi ta cùng nhà vua xử lý những tên quan tham, sách nhiễu dân lành. Ta mong các bạn học sinh hãy cố gắng học tập để mai sau lớn lên góp công xây dựng đất nước giàu đẹp.

Đề bài số 4:

Tưởng tượng trong giấc mơ, em gặp nhân vật Sọ Dừa trong truyện cổ tích Sọ Dừa và nghe Sọ Dừa kể chuyện

1. Xác định yêu cầu của đề:

- Đối tượng kể: là truyện cổ tích “Sọ Dừa”

- Yêu cầu kể:

+ Tưởng tượng trong giấc mơ, em gặp nhân vật Sọ Dừa (thêm yếu tố mới: tưởng tượng gặp nhân vật cổ tích)

+ nghe Sọ Dừa kể chuyện (nhập vai Sọ Dừa kể lại truyện)

- Ngôi kể: Ngôi thứ nhất “*em*”, *em gặp Sọ Dừa nghe Sọ Dừa kể chuyện, em xưng hô “anh-em” với nhân vật Sọ Dừa. Chú ý yếu tố tưởng tượng và tình cảm của em với nhân vật Sọ Dừa.*

- Tính chất lời kể: vui, thích thú, cảm phục, ...

2. Dàn ý tham khảo:

a. Mở bài: Giới thiệu câu chuyện kể và hoàn cảnh xuất hiện giấc mơ.

Gấp trang sách lại, câu chuyện của Sọ Dừa trong truyện cứ in đậm trong tâm trí em. Sọ Dừa gợi lên trong em niềm cảm phục về hình ảnh một con người giàu nghị lực và có trái tim nhân hậu. Và đêm qua, em đã có một giấc mơ tuyệt đẹp, giấc mơ được gặp gỡ với Sọ Dừa và nghe anh ấy nói chuyện.

b. Thân bài: kể lại diễn biến sự việc chính. Sọ Dừa kể lại truyện:

- Sọ Dừa kể về hoàn cảnh gia đình mình: Anh sinh ra trong một gia đình nông dân nghèo. Cha mẹ anh vô cùng hiền lành, chăm chỉ, nhưng mãi về già mà họ vẫn chưa có con.

- Anh kể cho em nghe về việc mẹ đã sinh ra anh từ việc uống nước trong cái sọ dừa nhân một lần đi hái củi trong rừng, bà vô cùng khát. Về nhà bà có mang, sinh ra anh không chân, không tay, mình mẩy tròn lông lốc. Bà toan vứt anh đi nhưng anh xin mẹ đừng bỏ, và đặt tên anh là Sọ Dừa (*thêm yếu tố miêu tả, đánh giá, cảm xúc*)

- Anh chăn bò cho cho nhà lão phú ông, ban đầu lão ngần ngại, nhưng anh đã chứng tỏ với phú ông bằng việc chăn bò rất giỏi, con nào cũng no căng.

- Anh kể cho em nghe về việc phú ông cắt cử ba cô con gái đưa cơm cho mình. Anh nhận ra thái độ kinh rẻ, hắt hủi của hai cô chị (*miêu tả của chị, điệu bộ của hai cô chị khi mang cơm*); anh thấy ấm áp khi được cô em út cư xử lịch sự, ân tình. Có lẽ vì mãi thối sáo nên anh bị cô Út bắt gặp hình hài thật của mình. Anh là một chàng trai khôi ngô, chứ không phải là Sọ Dừa lẩn lôn lốc. Anh và cô Út đem lòng yêu thương.

- Anh đã xin với mẹ mang lễ đến nhà phú ông hỏi cưới con gái nhà phú ông. Hai cô chị chê bài, từ chối. Còn cô Út e lệ, bằng lòng làm vợ anh. (*tưởng tượng về cảm xúc của Sọ Dừa khi được cô Út đồng ý làm vợ...*)

- Anh đã thi đỗ trạng nguyên. Và trước khi đi sứ đã đặc dò vợ và trao cho vợ những vật phòng thân như hòn đá, con dao, hai quả trứng (*Đưa thêm yếu tố cảm xúc của người kể*)

-Hai cô chị độc ác bày mưu đẩy vợ anh xuống biển, chuyện vợ anh bị cá kình nuốt. Vợ anh may mắn thoát chết, dạt vào đảo nhờ những vật mang bên mình. Hai vợ chồng anh đoàn tụ (*Hình dung cảnh tượng, tâm trạng nhân vật*)

-Thấy hai vợ chồng anh trở về, hai cô chị đã bỏ đi biệt tích. Từ đó, vợ chồng anh hạnh phúc bên nhau.

Chú ý: Người kể thêm cuộc đối thoại với nhân vật Sọ Dừa (lúc đầu gặp, lúc lắng nghe câu chuyện anh kể, lúc chia tay Sọ Dừa...Giấc mơ hoặc yếu tố tưởng tượng kết thúc ra sao?Cảm nghĩ sau cuộc gặp với Sọ Dừa)

c. Kết bài: Em nhận ra bài học cho mình:

- Đừng đánh giá con người qua bề ngoài.

- Giá trị đích thực của con người là vẻ đẹp tâm hồn, là những nỗ lực, sự vươn lên vượt qua khó khăn để thành công.

- Đặc biệt, với những người kém may mắn càng cần được mọi người yêu thương, để họ vượt qua mặc cảm tự ti, khẳng định mình.

Đề bài 5: Đóng vai Lý Thông kể lại truyện Thạch Sanh

a. Mở bài:

- Lý Thông tự giới thiệu về mình (trước đây là người nhưng hiện giờ đang là một con bọ hung xấu xí).
- Gợi ra nguyên nhân dẫn đến bi kịch của mình.

b. Thân bài:

- Lý Thông gặp Thạch Sanh, những toan tính của Lý Thông và việc hai người kết nghĩa, lời thề của Lý Thông.
- Chuyện Thạch Sanh ở nhà Lý Thông: dốc sức làm việc cho mẹ con Lý Thông.
- Chuyện con chăn tinh trong vùng và những mưu toan của Lý Thông dẫn đến hành động lừa Thạch Sanh đi canh miếu.
- Chuyện Lý Thông và mẹ đang ngủ thì Thạch Sanh về gọi cửa – tâm trạng sợ sệt hốt hoảng tưởng hồn Thạch Sanh về đòi mạng chuyển sang những toan tính rất nhanh khi biết Thạch Sanh đã giết chết chăn tinh dẫn đến hành động lừa Thạch Sanh bỏ đi.
- Chuyện Lý Thông đem đầu mãng xà đi lãnh thưởng, được hưởng vinh hoa phú quý; những suy nghĩ của Lý Thông về Thạch Sanh (ngu ngốc).
- Chuyện công chúa bị đại bàng bắt đi, Lý Thông phải tìm công chúa, tâm trạng và suy nghĩ của Lý Thông dẫn đến kế tìm Thạch Sanh.
- Chuyện Thạch Sanh tìm và cứu được công chúa; Lý Thông lấp cửa hang hãm hại Thạch Sanh cướp công cứu công chúa rồi được lãnh thưởng; công chúa bị câm.
- Nhận được tin Thạch Sanh bị bắt giam vì tội ăn trộm vàng bạc, Lý Thông vừa kinh ngạc (vì Thạch Sanh còn sống) vừa vui mừng (vì Thạch Sanh bị khép vào trọng tội).
- Chuyện Thạch Sanh được tiếng đàn minh oan, công chúa nói được; Lý Thông bị trừng phạt đúng như lời thề năm xưa.
- Thạch Sanh lấy công chúa, được làm vua và hưởng hạnh phúc lâu bền.

c. Kết bài:

Những suy nghĩ về tình cảm anh em, về triết lí "ác giả ác báo" của nhân dân ta.

Đề số 6: Kể lại truyện cổ tích “Nol Bu và Hueng Bu” bằng lời của anh trai (Nol Bu) trong truyện.

Yêu cầu:-

- Kể chuyện dựa vào cốt truyện cổ tích của Hàn Quốc “Nol Bu và Hueng Bu”

+ GV cho HS đọc truyện ở nhà, tóm tắt truyện,

+ tìm hiểu được ý nghĩa của truyện, và một số nét tương đồng với truyện Cây khế của Việt Nam (tình anh em, cách sống độc ác sẽ nhận quả báo...)

- Truyện được kể ngôi thứ nhất nhân vật Nol Bu xưng “tôi”. Chú ý yếu tố kì ảo, tình cảm của người kể chuyện.

Dàn bài tham khảo:

Mở bài: Nhân vật tự giới thiệu về mình, và hoàn cảnh của câu chuyện

Ví dụ: Tôi là Nol Bu, một người đã mắc nhiều lỗi lầm, một kẻ tồi tệ. Nhờ chính tấm lòng khoan dung của em tôi là Hueng Bu mới giúp tôi tỉnh ngộ và có cuộc sống hạnh phúc như bây giờ. Những sai lầm của tôi luôn khiến tôi xấu hổ, và trân trọng tình cảm anh em hơn. Câu chuyện của tôi là câu chuyện buồn.

Thân bài: Kể lại diễn biến sự việc chính.

- Ngay từ lúc nhỏ, anh em tôi đã mồ côi cha mẹ, chúng tôi cùng nhau lớn lên trong một ngôi làng nhỏ, có nhà cửa tài sản mà cha mẹ để lại.
- Từ nhỏ, tôi vốn tham lam xấu tính, còn Hueng Bu thì lại hiền lành tốt bụng, luôn sống vui vẻ với mọi người. Hueng Bu luôn sẵn lòng giúp đỡ mọi người.
- Lớn lên, tôi dành hết tài sản của cha mẹ để lại cho hai anh em, rồi đuổi em ra ở một mình ngoài cái chòi canh lúa bên sườn núi. Dù bị tôi cư xử như vậy, nhưng Hueng Bu không hề phàn nàn, oán giận tôi và vẫn chăm chỉ làm ăn. (Bổ sung thêm yếu tố miêu tả tâm lí nhân vật người anh: thờ ơ, mặc kệ, kiêu gì Hueng Bu chả kiếm sống được...)
- Năm nọ, thiên tai lũ lụt mất mùa, nhà em tôi lâm vào hoàn cảnh khó khăn. Nó đến nhà tôi xin giúp đỡ, nhưng tôi quát tháo đuổi ra khỏi nhà. Hueng Bu vẫn không giận tôi.
- Mùa đông lạnh lẽo đi qua, mùa xuân ấm áp trở về. Hiền nhà Hueng Bu có đôi chim nhận làm tổ đẻ trứng, rồi ấp trứng, nuôi nấng chim non. Một buổi sáng có con trăn định trườn lên ăn chim non, thấy vậy Hueng Bu liền con trăn, nhưng một con chim non bị rơi xuống đất gãy chân. Vợ chồng Hueng Bu bồi thôi, bó vết thương cho con chim non. Mùa thu gia đình chim non từ biệt gia đình Hueng bu để đi tránh rét.
- Mà xuân lại đến, con chim Hueng Bu bỏ lách chân bay trở về làm tổ chỗ cũ. Chim nhận nhả cho Hueng Bu một hạt bầu. Hueng Bu vui mừng đem gieo trên một mảnh đất nhỏ. Cây bầu ra quả, Hueng Bu hái ba quả bầu bổ ra thì vàng, bạc, tiền và đá quý tuôn ra. Nhà Hueng bu trở nên giàu có từ đó.
- Tôi nghe chuyện đồn, ngạc nhiên, đến nhà nó mắng cho một trận vì nghĩ em trai ăn cướp của người khác. Tôi lấy hết của cải của nó đem về.
- Hueng Bu từ tốn kể đầu đuôi câu chuyện cho tôi nghe, lòng tham trong tôi nổi lên, bàn với vợ, bắt một con chim nhận, bẻ gãy chân, rồi cùng bôi thuốc băng bó cho nó. Mùa thu trước khi chim nhận bay đi, tôi kể công và đòi chim mang về nhiều hạt bầu.
- Mùa xuân sau, con chim nhận ấy bay về, Nó nhả hạt bầu cho tôi trồng, cây bầu ra tận mười quả.
- Tôi bổ từng quả bầu nhưng không thấy vàng, bạc, châu báu gì hết mà nó phát ra ánh chớp kéo theo tiếng nổ. Quả tình các tráng sĩ lực lưỡng vung gậy đánh tôi một trận, quả thì bọn cướp biến xông vào lấy tài sản nhà tôi, phá nhà cửa của tôi...rồi đi

- Tôi bỏ quả bầu cuối cùng thì bọn yêu tinh lũ lượt đến trừng trị thói xấu xa tham lam của tôi. Cuối cùng, tôi trở thành người ăn mày.
- Nghe tin tôi nghèo khó cơ hàn, Hueng Bu chạy đến đưa cả gia đình tôi về cùng chung sống. Tôi ân hận khóc nức nở (bổ sung yếu tố miêu tả tâm trạng nhân vật)

C. Kết bài: Người kể chuyện rút ra bài học.

Từ câu chuyện và lỗi lầm của tôi, tôi mong đừng ai mắc phải sai lầm như tôi. Hãy cư x

❖ **BÁO CÁO SẢN PHẨM VIẾT** (Sau tiết học buổi sáng, GV đã giao HS về nhà tự hoàn thành bài viết kể lại một truyện cổ tích bằng lời của một nhân vật

- GV gọi một số HS trình bày sản phẩm trước lớp.
- GV cung cấp bảng rubric đánh giá sản phẩm viết:.
- HS khác lắng nghe, nhận xét, cùng rút kinh nghiệm.
- GV cho điểm HS.

BUỔI 5

Hoạt động : Luyện tập (Luyện đề tổng hợp)

. **Thiết lập ma trận, bảng đặc tả đề kiểm tra (Bước 3: Thiết lập ma trận, bảng đặc tả đề kiểm tra)**
KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA BÀI 7

S T T	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC								tổng số câu	Tổn g thời gia n (Ph út)	TỈ LỆ %
			NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG		VẬN DỤNG CAO				
			Tỉ lệ (%)	Thời gian (Phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (Phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (Phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (Phút)			
1	Tiếng Việt	Nghĩa của từ, thành ngữ, phép tu từ điệp ngữ	6 câu		2câu		0	0	0	0	08	10	20
2	Đọc hiểu	Truyện cổ tích	2 câu		1 câu		1 câu				4	20	20
3	Tạo lập VB	Viết: - Văn cảm nhận - Văn tự sự	0		0		1 câu	20	1 câu	40	2	60	60
Tổng			8		3		2	20	1	40	14	90	100
Tỉ lệ			20		15		25		40				100
Tổng điểm			35				65						

BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA BÀI 7

DẠY THÊM NGỮ VĂN 6 KÌ II – BỘ KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức kỹ năng / Yêu cầu cần đạt cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	TIẾNG VIỆT	Nghĩa của từ, thành ngữ, phép tu từ điệp ngữ	Nhận biết: - Nhận diện nghĩa của từ, cách giải nghĩa từ; cụm động từ, thành ngữ, phép tu từ điệp ngữ Thông hiểu: - Hiểu được công dụng cụm động từ, điệp ngữ trong ngữ cảnh cụ thể	6	2	0	0	8
2	ĐỌC HIỂU	Truyện cổ tích	Nhận biết: - Nhận biết được phương thức biểu đạt, ngôi kể và nhận diện chi tiết có ý nghĩa trong truyện cổ tích Thông hiểu: - Hiểu được ý nghĩa của sự việc chính Vận dụng: - Biết rút ra những bài học có ý nghĩa qua một truyện cổ tích cụ thể	2	1	1	0	4
3	TẠO LẬP VB	Viết đoạn văn trình bày cảm nhận về một chi tiết truyện cổ tích	Vận dụng: Biết vận dụng kiến thức viết đoạn văn trình bày suy nghĩ chi tiết ẩn tượng trong một truyện cổ tích đã học hoặc đã đọc.					2

		Viết bài văn tự sự	Vận dụng cao: Biết vận dụng kiến thức, kỹ năng viết bài văn kể lại một truyện cổ tích bằng lời của một nhân vật.					
Tổng								14
Tỉ lệ %						20	40	100
Tỉ lệ chung						60		100

ĐỀ BÀI

Phần I. Tiếng Việt (2,0 điểm)

Câu 1. Từ nào sau đây có nghĩa là “*Tổ tiên của gia đình; những người thuộc thế hệ đầu, qua đời đã lâu của gia đình*”?

- A. gia truyền
- B. gia đạo
- C. gia cảnh
- D. gia tiên

Câu 2: Nghĩa từ **ròng rã** trong câu “*Hai bên đánh nhau ròng rã suốt mấy tháng trời, cuối cùng Sơn Tinh vẫn vững vàng mà sức Thủy Tinh thì đã kiệt.*” là liên tục, kéo dài, dai dẳng mãi rồi mới kết thúc. Theo em, người ta đã dùng cách nào trong những cách sau:

- A. Tra từ điển
- B. Dựa vào những từ xung quanh
- C. Đoán nghĩa của từ.
- D. Cả ba đáp án trên đều sai.

Câu 3: Từ nào không đồng nghĩa với các từ còn lại

- A. Thi nhân
- B. Thi sĩ
- C. Thi gia
- D. Thi cử

Câu 4: Thành ngữ nào chỉ *những ai không có cha mẹ, anh em, bà con, không có bạn bè thân thích, không nơi nương tựa, sống cô độc một mình.*

- A. An cư lạc nghiệp;
- B. tóc bạc da mồi;
- C. gạn đục khơi trong;
- D. tứ cố vô thân;

Câu 5. Đoạn văn “ *Dưới bóng tre xanh, ta gìn giữ một nền văn hoá lâu đời. Dưới bóng tre xanh, đã từ lâu đời, người dân cày Việt Nam dựng nhà, dựng cửa, vỡ ruộng, khai hoang*” có sử dụng phép tu từ điệp ngữ:

- A. Dưới bóng tre xanh

- B. ta gìn giữ một nền văn hoá lâu đời.
- C. người dân cày Việt Nam
- D. dựng nhà, dựng cửa, vỡ ruộng, khai hoang

Câu 6 Tác dụng của phép điệp ngữ trong đoạn văn trên là:

- A. Khẳng định đặc điểm của cây tre.
- B. Nhấn mạnh nền văn hóa Việt Nam.
- C. Khắc họa phẩm chất chăm chỉ, cần cù của người dân Việt Nam.
- D. Nhấn mạnh sự gắn bó, gần gũi của cây tre đối với cuộc sống của người dân Việt Nam.

Câu 7. Đáp án nào sau đây chỉ đầy đủ các cụm động từ trong đoạn văn sau:

“Thạch Sanh sai dọn một bữa cơm thết đãi những kẻ thua trận [...]. Quân sĩ mười tám nước ăn mãi, ăn mãi nhưng niêu cơm bé xíu cứ ăn hết lại đầy. Chúng cúi đầu lạy tạ vợ chồng Thạch Sanh rồi kéo nhau về nước”

- A. sai dọn một bữa cơm thết đãi những kẻ thua trận ; kéo nhau về nước
- B. ăn mãi, ăn mãi; cứ ăn hết lại đây; cúi đầu lạy tạ vợ chồng Thạch Sanh; kéo nhau về nước
- C. sai dọn một bữa cơm thết đãi những kẻ thua trận; sai dọn một bữa cơm thết đãi những kẻ thua trận; ăn mãi, ăn mãi; cứ ăn hết lại đây; cúi đầu lạy tạ vợ chồng Thạch Sanh; kéo nhau về nước
- D. sai dọn một bữa cơm thết đãi những kẻ thua trận; ăn mãi, ăn mãi; cứ ăn hết lại đây; cúi đầu lạy tạ vợ chồng Thạch Sanh

Câu 8. Các cụm động từ trong câu thể hiện rõ nhất vẻ đẹp nào của nhân vật Thạch Sanh?

- A. Sự thật thà chất phác
- B. Sự dũng cảm
- C. Nhân hậu, cao thượng, yêu hoà bình
- D. Tài năng.

Phần II. Đọc – hiểu văn bản (2,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu

“Ngày xưa, có hai cô cháu ở chung với nhau một nhà. Người cô già, chồng chết từ lâu. Đứa cháu còn bé chừng mười hai tuổi mồ côi cha mẹ. Nhà họ nghèo, chỉ có vài sào ruộng, không đủ sống. Cho nên cô cháu ngày ngày phải đi mò cua bắt ốc hoặc mót hái kiếm ăn. Mấy năm trời được mùa, hai cô cháu tuy không lấy gì làm đầy đủ nhưng cũng sống vui. Ngày ngày cháu theo cô xách giỏ ra đồng, miệng hát có vẻ thích chí.

Nhưng không may vụ hạ năm ấy mất mùa [...] Riêng hai cô cháu sức yếu đành chịu nằm nhà nhịn đói. Cái chết đang dọa nạt họ.

May sao, buổi sáng hôm ấy có người hàng xóm sang báo tin cho cô cháu biết là có mấy đám lúa ở làng bên cạnh đã bắt đầu gặt. Bà cô thấy mình yếu lắm rồi, đứng lên không vững nữa. Chỉ có cháu là hơi tỉnh. Anh chàng gồng ngồng lên. Một người láng giềng đem cho một bát canh rau. Cháu húp vào thấy khỏe cả người, vội đứng lên đi theo họ.

[...] Mãi đến chiều, người cháu mới đem lúa về. Lèo tèo chỉ có một nắm bằng cái chổi xể. Nhưng anh chàng không ngại. Hắn đập, sấy, rang rồi bỏ vào cối giã. Chỉ một lúc sau hắn đã đổ vào nồi bắc lên bếp.

Khi nồi cháo bắt đầu sôi thì người cô bỗng trở mình và rên khừ khừ. Cháu lật đật vào lật chiếu thăm cô. Cô rên rĩ kêu đau bụng, bảo cháu đi xin cho mình một tí gừng. Cháu ngần ngại không muốn đi nhưng thấy cô có vẻ nguy kịch, vội đánh đường vào xóm. Sau khi cháu đi, người cô gồng dậy ngồi vào bếp đun lửa cho nồi cháo. Lúc cháo chín, cô bỏ muối vào nếm thử một hớp. Chắt ngũ cốc vào bụng trôi đến đâu, thịt da như sống lại đến đấy. Thấy cháu vẫn chưa về, cô múc ra một bát để dành phần cho cháu rồi lại ngồi ăn. Loáng một cái, cô đã ăn hết phần của mình. Cô lại chổng nằm nhưng trong bụng vẫn thấy thèm. Thấy cháu vẫn chưa về, cô nghĩ: - "Thằng bé có lẽ được người ta cho ăn rồi nên mới lâu thế. Nếu hắn đói thì dù gừng được hay không cũng phải về sớm". Nghĩ vậy, người cô lại lồm cồm dậy ăn xén vào cháo của cháu một tý. Cô đi ra ngoài cửa nhìn. Vẫn không thấy tăm dạng của cháu. - "Chắc nó được ăn rồi còn ngồi lại sưởi. Ta có thể ăn nốt đi cho nó". Nghĩ thế, cô yên tâm lại húp thêm một hớp nữa vào phần của cháu.

Cho đến khi người cháu mang gừng về thì bát cháo chỉ còn một tý nước ở dưới đáy. Cháu hỏi cô. Cô không trả lời. Nhưng cháu cũng đoán được hết. Cháu ôm mặt khóc nức nở. Cháu giận cô, oán cô rồi rửa cô. Được một chốc, cháu bưng bát cháo lại chổng cô nằm, dí sát vào miệng và nói bằng một giọng cay chua:

- Đó còn ít nữa, hít nốt đi! Hít đi cô, hít cô...

Sáng hôm sau, mãi đến trưa vẫn chưa thấy cháu dậy, cô lại gần đưa tay sờ vào người cháu, thì ôi thôi người cháu đã lạnh toát từ bao giờ.

Từ đó trở đi vào khoảng trời khuya, người ta nghe có tiếng chim kêu náo nùng trong không gian: "Hít cô! Hít cô!". Tiếng chim kêu một điệu đều đều như nhắc nhở những ngày sống gian khổ của hai cô cháu[1].

(Trích truyện cổ tích Chim hít cô)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính và ngôi kể của đoạn trích trên.

Câu 3. Câu chuyện giải thích nguồn gốc của loài vật nào?

Câu 3. Sự việc người cô ăn hết sạch bát cháo để phần người cháu nói lên điều gì?

Câu 4. Qua câu chuyện, em rút ra cho mình những bài học nào?

Phần III. Làm văn (6,0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm): Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) nêu cảm nhận của em về một chi tiết trong truyện cổ tích mà em yêu thích.

Câu 2 (4.0 điểm): Hãy đóng vai một nhân vật để kể lại một truyện cổ tích mà em yêu thích.

ĐÁP ÁN HƯỚNG DẪN

Câu	Nội dung cần đạt								Điểm
	Phần I. Tiếng Việt (2,0 điểm)								2.0
	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8	
	D	B	D	D	A	D	C	C	
Phần II. Đọc – hiểu văn bản (2,0 điểm)									
Câu 1	- Phương thức biểu đạt chính: Tự sự - Ngôi kể thứ ba								0.5
Câu 2	- Câu chuyện giải thích nguồn gốc của loài chim hít cô								0.5
Câu 3	Sự việc người cô ăn hết sạch bát cháo của người cháu nói cho thấy: - Tình cảnh đói khát khốn khổ của hai cô cháu - Người cô vì đói khát mà quên mất tình cô cháu, mất hết nhân tính, không kìm chế được bản năng....								0.5
Câu 4	Những bài học mà HS có thể rút ra: - Cần biết sống thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau. - Đừng vì miếng ăn mà làm mất đi nhân cách của chính mình, sống bạc bẽo với người thân của mình. (HS trả lời được 1/2 ý cho 0.5 điểm)								0.5
Phần III. Làm văn (6,0 điểm)									
Câu 1	a. Đảm bảo thể thức, dung lượng yêu cầu của một đoạn văn .								0,25
(2.0điểm)	b. Xác định đúng nội dung chủ yếu đoạn văn: suy nghĩ về một chi tiết trong truyện cổ tích để lại cho em ấn tượng sâu sắc.								0,25
	c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn. Có thể viết đoạn văn theo hướng sau: MĐ: Giới thiệu ấn tượng về chi tiết cụ thể nào, trong truyện cổ tích gì, và vai trò của chi tiết trong việc thể hiện chủ đề văn bản. TĐ: + Nêu vị trí, hoàn cảnh xuất hiện chi tiết? Trích dẫn chi tiết								1.0

	+ Chi tiết đó có ý nghĩa gì trong việc thể hiện đặc điểm nhân vật? + Chi tiết có đặc sắc gì trong nghệ thuật kể? + Bày tỏ sự xúc động khi đọc đến chi tiết đó? Lí giải tại sao em xúc động? Liên hệ đến thực tế trải nghiệm của bản thân, ý nghĩa của hành động? KĐ: Cảm nghĩ về chi tiết được chọn	
	<i>d. Sáng tạo:</i> Cách diễn đạt độc đáo, có cảm nghĩ riêng, sâu sắc	0,25
	<i>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.	0,25
Câu 2 (4.0 điểm)	<i>a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn thuyết minh thuật lại sự kiện. Bài viết có bố cục chặt chẽ, rõ ràng, sắp xếp hệ thống mạch lạc, chính xác.</i>	0.25
	<i>b. Xác định đúng yêu cầu bài viết:</i>	0.25
	<i>c. Triển khai bài viết: Có thể theo gợi ý sau</i> * Mở bài: Đóng vai nhân vật để giới thiệu sơ lược về mình và câu chuyện định kể. (Có thể hình dung, nhập vai từ hoàn cảnh, trải nghiệm của nhân vật để kể lại câu chuyện) * Thân bài: Kể diễn biến câu chuyện: - Xuất thân của các nhân vật. - Hoàn cảnh diễn ra câu chuyện. - Diễn biến chính: + SV1: + SV2: + SV3: * Kết bài: Kết thúc câu chuyện và nêu bài học được rút ra từ câu chuyện hoặc thông điệp gửi gắm.	3.0
	<i>d. Sáng tạo:</i> HS có hình ảnh miêu tả sinh động, hấp dẫn, có quan sát tinh tế, diễn đạt rõ ràng, có cảm xúc.	0,25
	<i>e. Chính tả:</i> dùng từ, đặt câu, đảm bảo chuẩn ngữ pháp, ngữ nghĩa TV.	0,25

Bài tham khảo

Đề bài: Trong vai nhân vật Lý Thông, em hãy kể lại truyện cổ tích Thạch Sanh.

Lý Thông tôi là một người chuyên bán rượu trong làng. Nhờ vào tay nghề ủ rượu ngon, nên gần xa trong làng ai cũng biết đến.

Một lần, tôi trong một chuyến đi xa, tôi ghé lại nghỉ chân ở quán nước. Chợt tôi thấy một chàng trai vạm vỡ, nước da bánh mật, gánh một bó củi to trên lưng. Tôi tò mò, hỏi ra mới biết đó là Thạch Sanh, một chàng trai mồ côi sống bằng nghề kiếm củi. Thấy Thạch Sanh hiền lành, khỏe mạnh lại mồ côi, tôi ngẫm nghĩ: “Thạch Sanh khỏe mạnh lại khù khờ thế này, mang nó về nhà giúp việc chắc tôi đỡ được bao nhiêu”. Vậy là tôi ngỏ ý kết nghĩa anh em với Thạch Sanh, Thạch Sanh thấy có người thương mình thì vui vẻ nhận lời. Kết nghĩa xong, tôi bèn mời Thạch Sanh về nhà ở để dễ bề lợi dụng.

Từ ngày có nó mẹ con tôi đỡ vất vả đi nhiều. Những công việc nặng nhọc trong nhà, thằng bé tranh làm hết. Hai mẹ con tôi từ đó nhàn nhã nhiều. Nhưng rồi cuộc sống không êm đềm như tôi vẫn thường nghĩ. Trong vùng lúc bấy giờ chợt xuất hiện một con chằn tinh rất hung ác, phép thuật vô song, thường xuyên bắt người ăn thịt. Nó thần thông quảng đại thế nên dân làng đành bó tay, không ai có thể diệt trừ được nó. Để yên ổn, dân làng họp lại đưa ra kế sách đành tình nguyện nộp người cho nó để nó ăn thịt, không quấy phá dân làng nữa. Lệ làng phép nước, sao có thể tránh khỏi, cuối cùng cũng đến ngày tôi phải nộp mạng. Tôi về nhà, nhìn nhà cửa, nhìn mẹ già mà không khỏi đành lòng chịu chết như thế. Chợt Thạch Sanh từ núi gánh củi về, tôi chợt nghĩ ra cách là nhờ Thạch Sanh đi thay mình. Tối đó, tôi mời Thạch Sanh ăn uống no say, rồi cất lời nhờ cậy:

- Mấy nữa, anh có chuyến giao rượu xa, ngặt nỗi, làng lại cử anh đi canh miếu. Chuyến hàng này rất quan trọng anh không đi không yên tâm, em có thể giúp anh đi canh miếu thay anh được không?

Thấy tôi nhờ vả, Thạch Sanh không chần chừ đáp:

- Anh cứ yên tâm giao em.

Nghe vậy, tôi và mẹ vui mừng lắm. Hôm Thạch Sanh đi canh miếu tôi thấp thỏm không thôi. Phần vì cũng cảm thấy có lỗi, thằng bé hiền lành, nhưng rồi nghĩ: "Nó không thay mình thì người chết đêm nay là mình". Trời về khuya, tôi cũng thôi, không nghĩ gì nữa mà tắt đèn đi ngủ. Vừa thiu thiu ngủ thì bỗng có tiếng gọi của Thạch Sanh:

- Anh ơi.... anh ơi.... anh....

Nghe tiếng gọi, mẹ con tôi nghĩ Thạch Sanh về đòi mạng, ,mẹ con tôi van xin khẩn thiết:

-Em ơi, em sống khôn chết thiêng tha cho mẹ và anh.... Anh xin lỗi.....

Thạch Sanh không hiểu chuyện gì đang xảy ra, bèn phân trần:

- Anh ơi, là em, em đây, em nào đã chết, em là người mà anh

Lúc bấy giờ tôi mới mới tin là Thạch Sanh còn sống. Nhưng làm sao mà nó còn sống trở về được. Chẳng lẽ nó biết được ở miếu có chằn tinh, bản thân nó chỉ là thể mạng nên quay về đây trả thù.

- Thế sao chú về sớm thế, anh nhờ chú canh miếu mà.

Nghe hỏi, Thạch Sanh thật thà kể lại chuyện giết chằn tinh, bây giờ mẹ con tôi mới an tâm. Nhìn con trần sau lưng Thạch Sanh tôi chợt nghĩ ra kế:

- Trời ơi, con trần ấy là của nhà vua nuôi đã lâu. Nay em bắt giết nó, tất không khỏi bị tội chết. Thôi, bây giờ nhân trời chưa sáng, em hãy lo trốn ngay đi! Có chuyện gì để mặc anh ở nhà lo liệu!

Sau khi xúi Thạch Sanh bỏ trốn, tôi cùng mẹ hăm hờ đem xác chôn tỉnh lên kinh đô lĩnh thưởng. Tôi được vua khen ngợi và phong làm đô đốc.

Năm đó, Vua có một người con gái đến tuổi lấy chồng nhưng chưa chọn được ai thích hợp, vua cha bèn nghĩ ra cách ném cầu kén rể, ai bắt được cầu sẽ được làm phò mã. Tôi cũng hăm hờ đến dự lễ ném cầu này, vì biết đâu tôi lại giành được tú cầu, một bước lên tiên. Nhưng khi công chúa vừa lên lầu chuẩn bị ném cầu thì bị một con đại bàng cắp đi mất. Cả kinh thành náo loạn đi tìm công chúa.

Tôi được đức vua cho nhiệm vụ đi tìm công chúa và hứa sẽ gả con gái, truyền ngôi cho tôi nữa. Nhưng tôi chỉ vừa mừng vừa lo, không biết tìm công chúa kiểu gì cả. Tôi liền nghĩ đến Thạch Sanh, tôi về lại gốc đa năm xưa tìm nó. Thật vui mừng khi nó chính là người bắn trúng con đại bàng. Thạch Sanh còn tình nguyện xuống hang sâu để tìm công chúa. Tôi buộc dây vào thắt lưng hắc, dặn rằng khi vào cứu được công chúa thì hãy lấy dây để kéo công chúa lên, sau đó sẽ thả dây xuống để cứu em. Khi hắc cứu được công chúa, tôi đã không thả dây xuống cứu hắc nữa mà vít luôn cửa hang lại để phòng nó tranh công của tôi.

Thế nhưng, từ lúc công chúa về cung không nói không rằng, vua cha rất lo lắng. Tôi đã mời rất nhiều nhà sư, đạo gia về để lễ tế nhưng không có tác dụng. Một hôm, trong từ trong tù phát ra một tiếng đàn của ai đó. Bỗng công chúa cất tiếng nói và muốn gặp người đánh đàn. Vua liền truyền người đánh đàn vào cung. Trước mặt mọi người tôi đã bị Thạch Sanh vạch mặt, Thạch Sanh vẫn thương tình tôi nên tha cho mẹ con tôi về quê làm ăn. Nhưng giữa đường do giữ lời thề năm xưa lúc kết nghĩa anh em. Tôi đã bị sét đánh chết.

Hoạt động : Vận dụng

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học (chủ đề) để vận dụng vào thực tế.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân ở nhà để hoàn thành yêu cầu của GV

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

- B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV giao đề cho HS về nhà lập dàn ý, sau đó viết hoàn thành bài hoàn chỉnh.

***Bài tập đọc hiểu**

Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:

(1)...Quê hương tôi có cây bầu cây nhĩ

Tiếng “đàn kêu tích tịch tình tang...”

Có cô Tấm nấu mình trong quả thị,

Có người em may túi đống ba gang.

...

(2) Quê hương tôi có bà Trưng, bà Triệu
Cưỡi đầu voi, dắt nghia, trả thù chung.
Ông Lê Lợi đã trường kỳ kháng chiến,
Hưng Đạo vương đã mở hội Diên Hồng.

(Trích Bài thơ Quê hương - Nguyễn Bính , Báo Văn nghệ
Nam Hà, số Tết Bính Ngọ (1966), trang 3

Câu 1(2.0 điểm): Xác định từ đơn, từ phức trong câu thơ “Quê hương tôi có cây bầu cây thị”

Câu 2(3.0 điểm): Chỉ ra ít nhất nhan đề hai truyện cổ tích được gợi ra từ trong khổ thơ (1)

Câu 3(5.0 điểm): Từ đoạn thơ trên em thấy tác giả đã gửi gắm tình cảm, cảm xúc gì của mình với văn hóa và lịch sử của dân tộc?

HƯỚNG DẪN CHẤM

Câu	Nội dung	Điểm
1	- Từ đơn: tôi/có	1.0
	- Từ phức: Quê hương/cây bầu/cây thị	1.0
2	Hs chỉ ra ít nhất được hai truyện cổ tích được gợi ra trong khổ (1): <i>Thạch Sanh, Tấm Cám, Cây khế</i>	3.0
3	c. Đoạn văn đảm bảo các nội dung sau: - Đoạn thơ là tình cảm tự hào, yêu mến, trân trọng của nhà thơ về những tác phẩm văn học dân gian, về những người anh hùng dân tộc và những sự kiện lịch sử của cha ông trong quá khứ. - Đó cũng là niềm tự hào trước những giá trị văn hóa tinh thần, trước những truyền thống bất khuất của dân tộc.	

Hoạt động: Bổ sung

GV yêu cầu HS:

- Tìm đọc và tham khảo các tài liệu liên quan đến nội dung bài học.
- Học bài ở nhà, ôn tập các nội dung đã học.
- Làm hoàn chỉnh các đề bài.
- Vẽ sơ đồ tư duy bài học.
- Tìm đọc chuyện cổ tích Việt Nam. Soạn bài 8 “Khác biệt và gần gũi”

Một số câu hỏi tham khảo xoay quanh ngữ liệu mới cần lưu ý cho thể loại cổ tích:

Câu 1: Ai là nhân vật chính? Câu chuyện diễn biến như thế nào?

Câu 2: Chỉ ra yếu tố hoang đường kì ảo trong truyện cổ tích em vừa đọc? Những chi tiết ấy có ý nghĩa gì?

Câu 3: Câu chuyện đem lại ý nghĩa gì cho em?

Câu 4: Chủ đề của truyện?